

KINH
MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT
QUYỂN THỨ NĂM

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TRANG NGHIÊM

THỨ MƯỜI BẢY

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật :
"Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát đại trang
nghiêm.

Những gì là đại trang nghiêm ?

Bực Bồ Tát nào có thể đại trang
nghiêm ?".

Đức Phật nói : "Này Tu Bồ Đề ! Đại
Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm. Chính
là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la
mật trang nghiêm. Tứ niệm xứ đến bát
thánh đạo phần trang nghiêm. Nội không
đến vô pháp hữu pháp không trang

ng nghiêm. Thập lực đến pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí trang nghiêm.

Biến thân như Phật trang nghiêm, quang minh chiếu khắp tam thiên Đại Thiên quốc độ, cũng chiếu khắp mười phương, mỗi phương đều hằng sa quốc độ. Làm chấn động Đại Thiên quốc độ, cũng chấn động hằng sa quốc độ trong mười phương.

Bồ Tát này an trụ trong Đàn na ba la mật Đại thừa đại trang nghiêm. Đại Thiên quốc độ này biến thành cõi lưu ly. Bồ Tát này hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương, chúng sanh cần dùng thứ gì thời đều cung cấp đầy đủ thứ ấy, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho y phục, cần chỗ ở cho nhà phòng giường nệm, cần ánh sáng cho đèn đuốc, cần lành bệnh cho thuốc men, cần trang điểm cho chuỗi ngọc châu báu cùng các loại hoa hương. Cấp cho xong rồi lại thuyết pháp cho họ tu hành pháp Đại thừa. Chúng sanh nghe xong, trọn

chẳng rời sáu ba la mật nhẫn đến Vô thượng Bồ đề.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm.

Này Tu Bồ Đề ! Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, rồi cung cấp đồ ăn uống, nhà phùng, thuốc men, hoa hương cho đại chúng ấy. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào ? Đối với nhà ảo thuật này thiết có đại chúng cung cấp cho chăng ?".

- Bạch đức Thế Tôn ! Không có thiết.

- Này Tu Bồ Đề ! Cũng vậy, đại Bồ Tát hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương cung cấp nhu cầu đầy đủ cho tất cả chúng sanh, mặc dầu có làm mà thiết thời không chỗ cho. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy.

Lại này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ Thi la ba la mật hiện sanh vào nhà Chuyển Luân Thánh Vương, đem thập thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Có vị đem tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc

định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nghe pháp tin hiểu thọ trì mãi đến thành Vô thượng Bồ đề trọn không rời pháp ấy.

Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng rồi đem pháp thập thiện đạo giáo hóa, cũng đem tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng để giáo hóa khiến thật hành. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào ? Có chúng sanh thiệt được nhà ảo thuật giáo hóa chăng ?

- Bạch đức Thế Tôn ! Không có thiệt.

- Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh thật hành thập thiện đạo đến mười tám pháp bất cộng, nhưng thiệt không có chúng sanh thật hành thập thiện đạo đến pháp bất cộng. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ Sân đề ba la mật, giáo hóa chúng sanh làm cho họ thật hành Sân đề ba la mật.

An trụ và giáo hóa thế nào ? Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đến nay, dầu bị tất cả chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập, chém giết vẫn không móng khởi một niệm động tâm và cũng dạy tất cả chúng sanh thật hành nhẫn nhục này, nhưng thiệt không có chúng sanh thọ giáo và thật hành nhẫn nhục. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi, hóa hiện đại chúng rồi dạy thật hành nhẫn nhục.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ Tỳ lê gia ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Tỳ lê gia ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào ? Đại Bồ Tát đúng với tâm nhưt thiết trí, thân tâm tinh tấn giáo hóa chúng sanh. Nhưng thiệt không có chúng sanh thọ giáo. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Thiền na ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào ? Đại Bồ Tát an trụ trong pháp bất động, chẳng thấy có loạn, chẳng thấy có định, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Thiền na ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Thiền na ba la mật. Nhưng thiết không có chúng sanh thọ giáo thật hành Thiền na ba la mật. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào ? Đại Bồ Tát lúc an trụ trong Bát nhã ba la mật, không có pháp được thử ngạn bỉ ngạn, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Bát nhã ba la mật. Nhưng thiết

không có chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề ! Tùy theo chỗ đáng được độ của chúng sanh trong hằng sa quốc độ ở mười phương, đại Bồ Tát tự biến thân hình an trụ Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, cũng giáo hóa chúng sanh thật hành sáu ba la mật. Chúng sanh tuân hành pháp này đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời pháp này. Nhưng thiệt không có chúng sanh tuân hành. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát đại trang nghiêm đúng với tâm nhứt thiết trí, chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người này an trụ sáu ba la mật mà chẳng dạy những người kia.

Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người này an trụ tứ niệm xứ đến

bất cộng pháp mà chẳng dạy bao nhiêu người kia.

Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người này cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, nhưt thiết chủng trí mà chẳng dạy bao nhiêu người kia.

Đại Bồ Tát đúng với tâm nhưt thiết trí, nghĩ rằng tôi sẽ làm cho vô lượng vô biên vô số tất cả chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Tôi sẽ đặt tất cả chúng sanh nơi tứ niệm xứ nhần đến mười tám pháp bất cộng. Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến nhưt thiết chủng trí. Nhưng thiệt không có chúng sanh an trụ sáu ba la mật nhần đến được nhưt thiết chủng trí. Tại sao vậy ? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm".

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Theo ý nghĩa mà con được nghe nơi đức Phật dạy, thời đại Bồ Tát không

dại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì các pháp tự tướng rỗng không vậy.

Nghĩa là sắc tự tướng rỗng không nhân đến thức tự tướng rỗng không, nhân tự tướng rỗng không nhân đến ý tự tướng rỗng không, sắc tự tướng rỗng không nhân đến pháp tự tướng rỗng không, nhân thức tự tướng rỗng không nhân đến ý thức tự tướng rỗng không, nhân xúc tự tướng rỗng không nhân đến ý xúc tự tướng rỗng không, nhân xúc, nhơn duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không nhân đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật tự tướng rỗng không, nội không nhân đến vô pháp hữu pháp không tự tướng rỗng không, tứ niệm xứ nhân đến mười tám pháp bất cộng tự tướng rỗng không, Bồ Tát tự tướng rỗng không.

Do duyên có trên đây mà biết rằng đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm".

Đức Phật nói : "Phải lắm, đúng như lời ông nói. Nầy Tu Bồ Đề ! Nhứt thiết trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm.

Tại sao vậy ? Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nhứt thiết trí chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra.

Tại sao vậy ? Vì sắc chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, ngã nhơn nhãn đến tri giả, kiến giả chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra.

Tại sao vậy ? Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Mộng nhãn đến biên hóa chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Pháp như, pháp tướng pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiết tế chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Bồ Tát chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Do duyên có nầy nên nhứt thiết trí chẳng phải pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải, pháp làm ra sanh ra. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm."

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Như con quán sát nghĩa của đức

Phật nói thời sắc không phược, không thoát, thọ, tưởng, hành, thức không phược, không thoát".

Ngài Phú Lô Na hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Những sắc gì không phược, không thoát, những thọ, tưởng, hành, thức gì không phược, không thoát ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc như mộng và thọ, tưởng, hành, thức như mộng không phược, không thoát. Sắc như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa và thọ, tưởng, hành, thức như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa không phược, không thoát.

Này Ngài Phú Lô Na ! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không phược, không thoát. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai không phược, không thoát. Sắc thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không phược, không thoát.

Tại sao không phược, không thoát ?

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là vô sở hữu nên không phược, không thoát.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Thiện và bất thiện cùng vô ký, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát.

Thế gian, xuất thế gian và hữu lậu cùng vô lậu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát.

Tại sao vậy ? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Tất cả pháp cũng không phược, không thoát. Tại sao vậy ? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm

xứ đến mười tám pháp bất cộng, Vô thượng Bồ đề, nhứt thiết trí, nhứt thiết chủng trí, Bồ Tát và Phật cũng đều không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiết tế, vô vi pháp cũng đều không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là vô sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát, tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí không phược, không thoát.

Đại Bồ Tát an trụ trong sáu ba la mật không phược, không thoát, nhẫn đến an trụ nhứt thiết chủng trí không phược, không thoát để thực hiện không phược, không thoát thành tựu chúng sanh, không phược, không thoát thanh tịnh Phật độ,

không phược, không thoát cúng dường chư Phật, không phược, không thoát nghe chánh pháp, không phược, không thoát trọn chẳng rời chư Phật, không phược, không thoát trọn chẳng rời các thần thông, không phược, không thoát trọn chẳng rời ngũ nhãn, không phược, không thoát trọn chẳng rời các môn đà la ni, không phược, không thoát trọn chẳng rời các môn tam muội, không phược, không thoát sẽ sanh đạo chủng trí, không phược, không thoát sẽ được nhứt thiết chủng trí, không phược, không thoát chuyển pháp luân, không phược, không thoát an lập chúng sanh nơi Tam thừa.

Nầy Ngài Phú Lâu Na ! Đại Bồ Tát thật hành không phược, không thoát sáu ba la mật, phải biết tất cả pháp đều không phược, không thoát, vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Đây gọi là đại Bồ Tát không phược, không thoát đại trang nghiêm".

PHẨM VẤN THỪA

THỨ MƯỜI TÁM

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật : "Bạch đức Thế Tôn ! Những gì là đại Bồ Tát Đại thừa ? Thế nào sẽ biết là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa ? Thừa ấy phát từ đâu ? Thừa ấy đến chỗ nào ? Sẽ an trụ chỗ nào ? Ai sẽ ngồi nơi thừa ấy để ra?"

Đức Phật nói : "Này Tu Bồ Đề ! Sáu ba la mật là đại Bồ Tát Đại thừa.

Đây là sáu ba la mật : Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Thế nào gọi là Đàn na ba la mật ?

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng

Bồ đề, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật.

Thế nào gọi là Thi la ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, để tự thật hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thật hành, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là Bồ Tát Thi la ba la mật.

Thế nào gọi là Sằn đề ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Sằn đề ba la mật.

Thế nào gọi là Tỳ lê gia ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, thật hành năm **ba** la mật kia, siêng tu không thôi nghỉ, cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Tỳ lê gia ba la mật.

Thế nào gọi là Thiên na ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, tự dùng phương tiện nhập các thiền, chẳng thọ sanh theo thiền và cũng dạy người khác nhập các thiền, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật.

Thế nào gọi là Bát nhã ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đây là đại Bồ Tát Đại thừa.

Đại Bồ Tát lại có Đại thừa. Những là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không,

hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Những gì là nội không ?

Nội pháp là nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân và ý. Xét về nhãn thời nhãn rỗng không, nhãn đến xét về ý thời ý rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội không.

Những gì là ngoại không ?

Ngoại pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Xét về sắc thời sắc rỗng không, nhãn đến xét về pháp thời pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là ngoại không.

Những gì là nội ngoại không ?

Nội ngoại pháp là thập nhị nhập : nội lục nhập tức là sáu căn và ngoại lục nhập tức là sáu trần. Xét về nội pháp thời nội pháp rỗng không, xét về ngoại pháp thời ngoại pháp rỗng không, vì đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại

sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội ngoại không.

Những gì là không không ?

Không là tất cả pháp rỗng không. Không này cũng là rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là không không.

Những gì là đại không ?

Đại là nói mười phương. Xét về Đông phương thời Đông phương rỗng không, nhìn đến Hạ phương thời Hạ phương rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là đại không.

Những gì là đệ nhứt nghĩa không ?

Đệ nhứt nghĩa là nói Niết Bàn. Xét về Niết Bàn thời Niết Bàn rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây là đệ nhứt nghĩa không.

Những gì là hữu vi không ?

Hữu vi pháp là nói tam giới : Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Xét về Dục giới thời Dục giới rỗng không, Sắc giới thời Sắc giới rỗng không, Vô sắc giới thời Vô sắc giới rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu vi không.

Những gì là vô vi không ?

Vô vi pháp là nói không tướng sanh, không tướng trụ, không tướng diệt. Xét về vô vi pháp thời vô vi pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô vi không.

Những gì là tất cánh không ?

Tất cánh là nói các pháp rốt ráo bất khả đắc, tức là tất cánh rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tất cánh không.

Những gì là vô thủ không ?

Xét về chỗ khởi đầu đến của các pháp thời bất khả đắc, vì chẳng phải thường.

chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô thí không.

Những gì là tán không ?

Tán là nói các pháp không diệt. Không diệt này cũng rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tán không.

Những gì là tánh không ?

Hoặc hữu vi pháp tánh hoặc vô vi pháp tánh, tánh này chẳng phải Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải Phật làm ra, cũng chẳng phải người khác làm ra. Xét về tánh này thời tánh này rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tánh không.

Những gì là tự tướng không ?

Tự tướng là nói sắc thời tướng biến hoại, thọ thời tướng lãnh thọ, tưởng thời tướng lấy tướng dạng, hành thời tướng tạo tác, thức thời tướng rõ biết. Tự tướng của những pháp hữu vi, pháp vô vi đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng

phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tự tướng không.

Những gì là chư pháp không ?

Chư pháp là nói ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới. Xét về chư pháp này thời chư pháp này rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt vậy. Tại sao vậy ? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là chư pháp không.

Những gì là bất khả đắc không ?

Tìm cầu các pháp bất khả đắc đây là bất khả đắc không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là bất khả đắc không.

Những gì là vô pháp không ?

Nếu pháp không có thời cũng rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp không.

Những gì là hữu pháp không ?

Hữu pháp là nói trong các pháp hòa hiệp có tự tánh tướng. Hữu pháp này

rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu pháp không.

Những gì là vô pháp hữu pháp không ?

Vô pháp trong các pháp và hữu pháp trong các pháp đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp hữu pháp không.

Nầy Tu Bồ Đề ! Lại còn pháp pháp tướng không, vô pháp vô pháp tướng không, tự pháp tự pháp tướng không, tha pháp tha pháp tướng không.

Những gì gọi là pháp pháp tướng không ?

Pháp nơi đây là nói ngũ ấm. Ngũ ấm rỗng không. Đây gọi là pháp pháp tướng không.

Những gì gọi là vô pháp vô pháp tướng không ?

Vô pháp nơi đây là nói vô vi pháp. Đây gọi là vô pháp vô pháp tướng không.

Những gì gọi là tự pháp tự pháp tướng không ?

Xét về các pháp thời tự pháp rỗng không. Rỗng không này chẳng phải do biết cũng chẳng phải do thấy. Đây gọi là tự pháp tự pháp tướng không.

Những gì gọi là tha pháp tha pháp tướng không ?

Hoặc Phật xuất thế hoặc Phật chưa xuất thế, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như thiết tế vượt quá những pháp không này. Đây gọi là tha pháp tha pháp tướng không.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa.

Này Tu Bồ Đề ! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa. Chính là thủ lãnh nghiêm tam muội, bửu ấn tam muội, sư tử du hí tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, xuất chư pháp tam muội, quán đánh tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất tràng tướng tam muội, kim cang tam muội, nhập pháp ấn tam muội, tam muội vương an lập tam muội, phóng quang tam

muội, lực tấn tam muội, cao xuất tam muội, tất nhập biện tài tam muội, thích danh tự tam muội, quán phương tam muội, đà la ni ấn tam muội, vô cuống tam muội, nhiếp chư pháp hải tam muội, biến phú hư không tam muội, kim cang luân tam muội, bửu đoạn tam muội, năng chiếu tam muội, bất cầu tam muội, vô trụ tam muội, vô tâm tam muội, tịnh đẳng tam muội, vô biên minh tam muội, năng tác minh tam muội, phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, vô cấu minh tam muội, hoan hỉ tam muội, diễn quang tam muội, vô tận tam muội, oai đức tam muội, ly tận tam muội, bất động tam muội, bất thối tam muội, nhứt đẳng tam muội, nguyệt tịnh tam muội, tịnh minh tam muội, năng tác minh tam muội, tắc hành tam muội, tri tướng tam muội, như kim cang tam muội, tâm trụ tam muội, phổ minh tam muội, an lập tam muội, bửu tự tam muội, diệu pháp ấn tam muội, pháp đẳng tam muội, đoạn hỉ tam muội, đáo pháp đánh tam muội,

năng tán tam muội, phân biệt chư pháp
cú tam muội, tự đẳng tướng tam muội,
ly tự tam muội, đoạn duyên tam muội,
bất hoại tam muội, vô chủng tướng tam
muội, vô xứ hành tam muội, ly mộng
muội tam muội, vô khứ tam muội, bất
biến dị tam muội, độ duyên tam muội,
tập chư công đức tam muội, trụ vô tâm
tam muội, tịnh diệu hoa tam muội, giác
ý tam muội, vô lượng biện tam muội, vô
đẳng đẳng tam muội, độ chư pháp tam
muội, phân biệt chư pháp tam muội, tán
ngghi tam muội, vô xứ tam muội, nhứt
trang nghiêm tam muội, sanh hành tam
muội, nhứt hành tam muội, bất nhứt hành
tam muội, diệu hành tam muội, đạt nhứt
thiết hữu để tán tam muội, nhập danh
ngữ tam muội, ly âm thanh tự ngữ tam
muội, nhiên cự tam muội, tịnh tướng tam
muội, phá tướng tam muội, nhứt thiết
chủng diệu túc tam muội, bất hỷ khổ lạc
tam muội, vô tận tướng tam muội, đà la
ni tam muội, nhiếp chư tà chánh tướng
tam muội, diệt tăng ái tam muội, nghịch

thuận tam muội, tịnh quang tam muội, kiên cố tam muội, mãn nguyệt tịnh quang tam muội, đại trang nghiêm tam muội, năng chiếu nhứt thiết thế tam muội, tam muội đẳng tam muội, nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội, bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội, như trụ định tam muội, hoại thân suy tam muội, hoại ngữ như hư không tam muội, ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Thế nào gọi là thủ lăng nghiêm tam muội ?

Biết chỗ hành xứ của các tam muội, đây gọi là thủ lăng nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là bửu ấn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể ấn các tam muội, đây gọi là bửu ấn tam muội.

Thế nào gọi là sư tử du hí tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể du hí trong các tam muội như sư tử, đây gọi là sư tử du hí tam muội.

Thế nào gọi là diệu nguyệt tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể soi sáng các tam muội như mặt nguyệt sáng, đây gọi là diệu nguyệt tam muội.

Thế nào gọi là nguyệt tràng tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể nắm giữ tướng của các tam muội, đây gọi là nguyệt tràng tướng tam muội.

Thế nào gọi là xuất chư pháp tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể xuất sanh các tam muội, đây gọi là xuất chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là quán danh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể xem thấy tột danh của các tam muội, đây gọi là quán danh tam muội.

Thế nào gọi là tất pháp tánh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời quyết định biết pháp tánh, đây gọi là tất pháp tánh tam muội.

Thế nào gọi là tất tràng tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể nắm giữ bảo tràng của các tam muội.

Thế nào gọi là kim cang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể phá các tam muội, đây gọi là kim cang tam muội.

Thế nào gọi là nhập pháp ấn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nhập vào các pháp ấn, đây gọi là nhập pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là tam muội vương an lập tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời an trụ vững vàng trong tất cả tam muội như đế vương, đây gọi là tam muội vương an lập tam muội.

Thế nào gọi là phóng quang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể phóng quang chiếu các tam muội, đây gọi là phóng quang tam muội.

Thế nào gọi là lực tấn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể làm thế lực đối với các tam muội, đây gọi là lực tấn tam muội.

Thế nào gọi là cao xuất tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể tăng trưởng các tam muội, đây gọi là cao xuất tam muội.

Thế nào gọi là tất nhập biện tài tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể biện thuyết các tam muội, đây gọi là tất nhập biện tài tam muội.

Thế nào gọi là thích danh tự tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể giải thích danh tự của các tam muội, đây gọi là thích danh tự tam muội.

Thế nào gọi là quán phương tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể quán sát phương hướng các tam muội, đây gọi là quán phương tam muội.

Thế nào gọi là đà la ni ấn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể nắm giữ các tam muội ấn, đây gọi là đà la ni ấn tam muội.

Thế nào gọi là vô cuống tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời không khi dôi dỗi với các tam muội, đây gọi là vô cuống tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể nhiếp lấy các tam muội như nước đại hải, đây gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội.

Thế nào gọi là biến phú hư không tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời che trùm các tam muội như hư không, đây gọi là biến phú hư không tam muội.

Thế nào gọi là kim cang luân tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể nắm giữ các tam muội phần, đây gọi là kim cang luân tam muội.

Thế nào gọi là bửu đoạn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể dứt trừ phiền não cấu của các tam muội, đây gọi là bửu đoạn tam muội.

Thế nào gọi là năng chiếu tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể dùng quang minh chiếu rõ các tam muội, đây gọi là năng chiếu tam muội.

Thế nào gọi là bất cầu tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời không có pháp để cầu, đây gọi là bất cầu tam muội.

Thế nào gọi là vô trụ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy tất cả pháp trụ, đây gọi là vô trụ tam muội.

Thế nào gọi là vô tâm tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đây gọi là vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là tịnh đẳng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời đối với các tam muội chiếu sáng như đèn sáng, đây gọi là tịnh đẳng tam muội.

Thế nào gọi là vô biên minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời làm ánh sáng vô biên cho các tam muội, đây gọi là vô biên minh tam muội.

Thế nào gọi là năng tác minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thời liên có thể làm sáng cho các tam muội, đây gọi là năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là phổ chiếu minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể chiếu các tam muội môn, đây gọi là phổ chiếu minh tam muội.

Thế nào gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể làm cho tướng của các tam muội bền

chắc trong sạch, đây gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội.

Thế nào gọi là vô cấu minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể trừ cấu nhơ của các tam muội, đây gọi là vô cấu minh tam muội.

Thế nào gọi là hoan hỷ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời lãnh thọ sự hoan hỷ của các tam muội, đây gọi là hoan hỷ tam muội.

Thế nào gọi là diễn quang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chiếu suốt các tam muội như diễn quang, đây gọi là diễn quang tam muội.

Thế nào gọi là vô tận tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời đối với các tam muội chẳng thấy cùng tận, đây gọi là vô tận tam muội.

Thế nào gọi là oai đức tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có oai đức chiếu rõ đối với các tam muội, đây gọi là oai đức tam muội.

Thế nào gọi là ly tận tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội cùng tận, đây gọi là ly tận tam muội.

Thế nào gọi là bất động tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời làm cho các tam muội chẳng động, chẳng lay, đây gọi là bất động tam muội.

Thế nào gọi là bất thối tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể chẳng thấy các tam muội thối thất, đây gọi là bất thối tam muội.

Thế nào gọi là nhựt dăng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời phóng quang chiếu các tam muội môn, đây gọi là nhựt dăng tam muội.

Thế nào gọi là nguyệt tịnh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể trừ sự tối tăm của các tam muội, đây gọi là nguyệt tịnh tam muội.

Thế nào gọi là tịnh minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này nơi các tam muội được tứ vô ngại trí, đây gọi là tịnh minh tam muội.

Thế nào gọi là năng tác minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nơi các tam muội môn có thể làm sáng, đây gọi là năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là tác hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể làm cho các tam muội có chỗ tạo tác.

Thế nào gọi là tri tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời thấy các tam muội liền biết tướng của các tam muội, đây gọi là tri tướng tam muội.

Thế nào gọi là như kim cang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể quán xuyên thấu suốt các pháp, nhưng cũng chẳng thấy có thấu suốt, đây gọi là như kim cang tam muội.

Thế nào gọi là tâm trụ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời tâm chẳng động, chẳng chuyển, chẳng nảo, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm này, đây gọi là tam trụ tam muội.

Thế nào gọi là phổ minh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời thấy khắp quang minh của các tam muội, đây gọi là phổ minh tam muội.

Thế nào gọi là an lập tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời ở nơi các tam muội an lập chẳng động, đây gọi là an lập tam muội.

Thế nào gọi là bửu tុ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời thấy khắp các tam muội như thấy đồng châu báu, đây gọi là bửu tុ tam muội.

Thế nào gọi là diệu pháp ấn tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể ấn khả các tam muội, vì dùng vô ấn để ấn vậy, đây gọi là diệu pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là pháp đẳng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời quán sát các pháp bình đẳng, không pháp nào chẳng bình đẳng, đây gọi là pháp đẳng tam muội.

Thế nào gọi là đoạn hỉ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời dứt sự hỉ trong tất cả pháp, đây gọi là đoạn hỉ tam muội.

Thế nào gọi là đáo pháp đánh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời diệt các pháp ám, cũng là ở trên các tam muội, đây gọi là đáo pháp đánh tam muội.

Thế nào gọi là năng tán tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể phá tan các pháp, đây gọi là năng tán tam muội.

Thế nào gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời phân biệt các pháp cú của các tam muội, đây gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội.

Thế nào gọi là tự đẳng tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời được tự đẳng của các tam muội, đây gọi là tự đẳng tướng tam muội.

Thế nào gọi là ly tự tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nơi các tam muội nhãn đến không thấy một chữ, đây gọi là ly tự tam muội.

Thế nào gọi là đoạn duyên tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời dứt duyên của các tam muội, đây gọi là đoạn duyên tam muội.

Thế nào gọi là bất hoại tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các pháp biến dị, đây gọi là bất hoại tam muội.

Thế nào gọi là vô chủng tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các pháp có nhiều thứ loại, đây gọi là vô chủng tướng tam muội.

Thế nào gọi là vô xứ hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy xứ hành của các tam muội, đây gọi là vô xứ hành tam muội.

Thế nào gọi là ly mộng muội tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời lìa rời sự tối tăm vi tế của các tam muội, đây gọi là ly mộng muội tam muội.

Thế nào gọi là vô khứ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy tướng đi của tất cả tam muội, đây gọi là vô khứ tam muội.

Thế nào gọi là bất biến dị tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy tướng biến dị của các tam muội, đây gọi là bất biến dị tam muội.

Thế nào gọi là độ duyên tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời vượt qua cảnh giới của các tam muội duyên, đây gọi là độ duyên tam muội.

Thế nào gọi là tập chư công đức tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chứa nhóm công đức của các tam muội, đây gọi là tập chư công đức tam muội.

Thế nào gọi là trụ vô tâm tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời đối với các tam muội tâm vô sở nhập, đây gọi là trụ vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là tịnh diệu hoa tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời làm cho các tam muội tịnh diệu như hoa xinh đẹp sạch thơm, đây gọi là tịnh diệu hoa tam muội.

Thế nào gọi là giác ý tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời được thất giác phần ở trong các tam muội, đây gọi là giác ý tam muội.

Thế nào gọi là vô lượng biện tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời ở trong các pháp được vô lượng biện, đây gọi là vô lượng biện tam muội.

Thế nào gọi là vô đẳng đẳng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời được tướng vô đẳng đẳng nơi các tam muội, đây gọi là vô đẳng đẳng tam muội.

Thế nào gọi là độ chư pháp tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời vượt qua tất cả tam giới, đây gọi là độ chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là phân biệt chư pháp tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời phân biệt thấy các tam muội và các pháp, đây gọi là phân biệt chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là tán nghi tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời được tiêu tan sự nghi đối với các pháp, đây gọi là tán nghi tam muội.

Thế nào gọi là vô trụ xứ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy chỗ trụ xứ của các pháp, đây gọi là vô trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là nhứt trang nghiêm tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các pháp có hai tướng, đây gọi là nhứt trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là sanh hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các hành sanh khởi, đây gọi là sanh hành tam muội.

Thế nào gọi là nhứt hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội thử ngạn, bỉ ngạn, đây gọi là nhứt hành tam muội.

Thế nào gọi là bất nhứt hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội một tướng, đây gọi là bất nhứt hành tam muội.

Thế nào gọi là diệu hành tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội hai tướng, đây gọi là diệu hành tam muội.

Thế nào gọi là đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nhập vào tất cả cõi, tất cả tam muội, trí huệ thông đạt cũng không chỗ thông đạt, đây gọi là đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội.

Thế nào gọi là nhập danh ngữ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nhập vào danh ngữ của tất cả tam muội, đây gọi là nhập danh ngữ tam muội.

Thế nào gọi là ly âm thanh tự ngữ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy âm thanh tự ngữ của các tam muội, đây gọi là ly âm thanh tự ngữ tam muội.

Thế nào gọi là nhiên cự tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời oai đức chiếu sáng như ngọn đuốc, đây gọi là nhiên cự tam muội.

Thế nào gọi là tịnh tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời sạch tướng của các tam muội, đây gọi là tịnh tướng tam muội.

Thế nào gọi là phá tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy tướng của các tam muội, đây gọi là phá tướng tam muội.

Thế nào gọi là nhứt thiết chủng diệu túc tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời tất cả tam muội chủng đều đầy đủ, đây gọi là nhứt thiết chủng diệu túc tam muội.

Thế nào gọi là bất hỷ khổ lạc tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội khổ lạc, đây gọi là bất hỷ khổ lạc tam muội.

Thế nào gọi là vô tận tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội chung tận, đây gọi là vô tận tướng tam muội.

Thế nào gọi là đà la ni tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể chấp trì các tam muội, đây gọi là đà la ni tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nơi các tam muội chẳng thấy tướng tà chánh, đây gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội.

Thế nào gọi là diệt tắng ái tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời không thấy sự ưa ghét của các tam muội, đây gọi là diệt tắng ái tam muội.

Thế nào gọi là nghịch thuận tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy sự nghịch thuận của các pháp, của các tam muội, đây gọi là nghịch thuận tam muội.

Thế nào gọi là tịnh quang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy sự cấu nhơ nơi quang minh của các

tam muội, đây gọi là tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là kiên cố tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy các tam muội chẳng kiên cố, đây gọi là kiên cố tam muội.

Thế nào gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời các tam muội đầy đủ như mặt nguyệt đêm rằm, đây gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là đại trang nghiêm tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời đại trang nghiêm thành tựu các tam muội, đây gọi là đại trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể chiếu các tam muội và tất cả pháp, đây gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội.

Thế nào gọi là tam muội đẳng tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời nơi các tam muội chẳng thấy tướng định, tướng loạn, đây gọi là tam muội đẳng tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời có thể làm cho các tam muội chẳng phân biệt có kia đây, không kia đây, đây gọi là nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội.

Thế nào gọi là bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy chỗ y tựa của các tam muội, đây gọi là bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là như trụ định tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng vượt quá tướng như của các tam muội, đây gọi là như trụ định tam muội.

Thế nào gọi là hoại thân suy tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy thân tướng, đây gọi là hoại thân suy tam muội.

Thế nào gọi là hoại ngữ như hư không tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời chẳng thấy ngữ nghiệp của các tam muội như hư không, đây gọi là hoại ngữ như hư không tam muội.

Thế nào gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội ?

An trụ trong tam muội này thời thấy các tam muội như hư không vô ngại, cũng chẳng nhiễm tam muội này, đây gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Này Tu Bồ Đề ! Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa".



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN THỨ SÁU

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM QUẢNG THỪA

THỨ MƯỜI CHÍN

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề : "Có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ niệm xứ.

Thế nào là bốn ?

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát, trong nội thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Trong ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Trong nội ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán thân, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Nội thọ, nội tâm nội pháp, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp, nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, đại Bồ Tát theo thọ tâm pháp quán sát, cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì bất khả đắc vậy, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề ! Thế nào là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát ?

Lúc đại Bồ Tát đi thời biết là đi, lúc đứng thời biết là đứng, lúc ngồi thời biết là ngồi, lúc nằm thời biết là nằm. Thân hành động thế nào thời biết như vậy. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, cầm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghỉ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất

thiền cũng thường nhứt tâm. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, vì bất khả đắc vậy.

Trong nội thân, lúc theo thân quán sát, đại Bồ Tát nhứt tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra, lúc thở vào dài thời biết là thở vào dài, lúc thở ra dài thời biết là thở ra dài, lúc thở vào vắng thời biết là thở vào vắng, lúc thở ra vắng thời biết là thở ra vắng. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán sát thân tứ đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

Ví như nhà hàng thịt dùng dao bén giết bò chia làm bốn phần rồi hoặc đứng hoặc ngồi quán sát bốn phần thịt bò này.

Cũng vậy, đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật quán sát thân thể bốn

dại : địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát lại quán sát thân thể từ đỉnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc, nhiều thứ bất tịnh đầy trong thân. Nghĩ rằng thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tỳ, cật, mật, tiểu trường, đại trường, bao tử, bàng quang, phần, dãi, mồ hôi, cáu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đàm, nhớt, não óc.

Ví như trong kho của nhà nông chứa lộn lạo đầy những lúa, nếp, mè, đậu, bắp. Người có đôi mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè, là đậu, là bắp.

Đại Bồ Tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng chi tiết bất tịnh, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm

ngày, xanh ứ sinh trương mủ nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết vất bỏ đã sâu ngày, bảy ngày, bị chồn, chó, sài lang, quạ, kên kên xé ăn, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết vất bỏ bị cầm thú xé ăn rã rời hôi thúi bất tịnh, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, da thịt đã tan lộ bày gân xương liên tủa, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát

khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt đã rã rời trên đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, xương chân chỗ này, xương đầu chỗ nọ, mỗi lông, mỗi đốt đều khác chỗ, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ lâu ngày, gió thổi, nắng soi, màu trắng như vỏ ốc, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ trên đất lâu ngày mục rã nát bấy lộn với đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Như quán sát nội thân với ngoại thân cùng nội ngoại thân, cũng theo thân quán sát như vậy.

Cũng phải theo như trên đây mà giải thuyết rộng về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề ! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ chánh cần.

Những gì là bốn ?

Đại Bồ Tát đối với những pháp ác bất thiện chưa phát sanh, vì làm cho pháp ác chẳng sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp ác bất thiện đã phát sanh, vì dứt trừ nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp thiện chưa phát sanh, vì phát sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo. Đối với pháp thiện đã phát sanh, vì làm cho còn mãi để tu tập đến được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo, vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa.

Nầy Tu Bồ Đề ! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ như ý phần.

Những gì là bốn ?

Đại Bồ Tát dùng sự mong muốn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tinh tấn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tư duy định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự nhứt tâm định hạnh thành tựu mà tu như ý phần. Đây là Đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là ngũ căn.

Những gì là năm ? Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chính là ngũ lực.

Những gì là năm ? Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là thất giác phần.

Những gì là bảy ? Đại Bồ Tát tu niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần và xả giác phần, nương nơi ly, nơi vô nhiễm hướng đến Niết Bàn. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có bát thánh đạo phần là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là tám ? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có ba môn tam muội là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là ba ? Không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội.

Không tam muội là nói các pháp tự tướng rỗng không. Đây gọi là không giải thoát môn.

Vô tướng tam muội là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ. Đây gọi là vô tướng giải thoát môn.

Vô tác tam muội là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác. Đây gọi là vô tác giải thoát môn.

Ba môn này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tử trí, thế trí, tha tâm trí và như thiệt trí.

Thế nào gọi là khổ trí ? Biết khổ chẳng sanh, đây gọi là khổ trí.

Thế nào gọi là tập trí ? Biết tập phải dứt, đây gọi là tập trí.

Thế nào gọi là diệt trí ? Biết khổ dứt diệt, đây gọi là diệt trí.

Thế nào gọi là đạo trí ? Biết bát thánh đạo phần, đây gọi là đạo trí.

Thế nào gọi là tận trí ? Biết tham, sân, si diệt tận, đây gọi là tận trí.

Thế nào gọi là vô sanh trí ? Biết trong các cõi hữu lậu là vô sanh, đây gọi là vô sanh trí.

Thế nào gọi là pháp trí ? Biết bốn sự của ngũ ấm, đây gọi là pháp trí.

Thế nào gọi là tử trí ? Biết nhân vô thường nhân đến biết ý xúc nhơn duyên sanh thọ vô thường, đây gọi là tử trí.

Thế nào gọi là thế trí ? Biết nhơn duyên danh tự, đây gọi là thế trí.

Thế nào gọi là tha tâm trí ? Biết tâm niệm của những chúng sanh khác, đây gọi là tha tâm trí.

Thế nào gọi là như thiệt trí ? Biết như thiệt chủng trí của chư Phật, đây gọi là như thiệt trí.

Mười một trí này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có tam căn là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là ba ? Vị trí dục tri căn, tri căn và trí giả căn.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn, ngũ căn của hàng hữu học chưa đắc quả, đây gọi là vị tri dục tri căn.

Ngũ căn của hàng hữu học đã đắc quả, đây gọi là tri căn.

Ngũ căn của bậc vô học, hoặc A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc chư Phật, đây gọi là trí giả căn.

Tam căn này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có tam tam muội là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là ba ? Hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội và vô giác vô quán tam muội.

Rời những dục nhiễm và rời những pháp ác bất thiện có giác, có quán, rời dục nhiễm phát sanh hỉ lạc nhập sơ thiền, đây gọi là hữu giác hữu quán tam muội.

Chặng giữa của sơ thiền và nhị thiền, đây gọi là vô giác hữu quán tam muội.

Từ nhị thiên đến phi hữu tướng phi vô tướng định, đây gọi là vô giác vô quán tam muội.

Tam tam muội này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có thập niệm là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là mười ? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm xuất nhập tức, niệm thân và niệm tử.

Mười chánh niệm này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, bát bội xả và cửu thứ đệ định là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là thập lực.

Những gì là mười ? Một là Phật biết như thật những tướng thị xứ, bất thị xứ của tất cả pháp. Hai là Phật biết như

thiệt những nghiệp, những thọ pháp của chúng sanh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết báo của chúng sanh khác. Ba là Phật biết như thiệt những tướng cấu tịnh sai khác của các thiên giải thoát, các tam muội và các định. Bốn là Phật biết như thiệt những tướng căn tánh thượng hạ của chúng sanh khác. Năm là Phật như thiệt biết những loại dục giải của chúng sanh khác. Sáu là Phật như thiệt biết vô số tánh loại sai khác của thế gian. Bảy là Phật như thiệt biết chỗ đến của tất cả đạo hạnh. Tám là Phật như thiệt biết túc mạng của mình và của chúng sanh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhơn duyên như vậy. Chín là Phật thiên nhãn thanh tịnh hơn chư Thiên, như thiệt thấy biết chúng sanh chết đây sanh kia, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo. Mười là Phật biết như thiệt các lậu tận nên vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là

chúng biết như thiệt ta đã hết sanh tử, đã thành phạm hạnh, từ đời nay chẳng còn lại thấy có đời sau nữa.

Mười trí lực này là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ vô sở úy.

Những gì là bốn ? Phật nói lời thành thiệt rằng ta là bậc nhứt thiết chánh trí. Đối với những điều như thiệt gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hồng chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa Môn, Bà La Môn chư Thiên Vương, Phạm Vương, Ma Vương, cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ nhứt.

Phật nói lời thành thiệt rằng ta là bậc tất cả lậu đã dứt diệt hết sạch. Đối với chỗ gạn hỏi như thiệt về lậu phiền não dứt diệt đây của tất cả đại chúng, Phật

không tự thấy có mấy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Trời, Người cùng chúng sanh khác không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ hai.

Phật nói lời thành thiệt rằng đây là những pháp chương ngại chánh đạo giải thoát. Đối với những lời gạn hỏi như thiệt về pháp chương đạo đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mấy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba.

Phật nói lời thành thiệt rằng những thánh đạo mà ta đã dạy quyết định có thể ra khỏi thế gian, theo đây thật hành thời có thể hết khổ. Đối với những lời gạn hỏi như thiệt về thánh đạo đây của

tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có
mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất
an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc thánh
chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống
chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả
Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều
không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ
tư.

Tứ vô sở úy này là đại Bồ Tát Đại
thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là
tứ vô ngại trí.

Những gì là bốn ? Pháp vô ngại trí,
nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc
thuyết vô ngại trí. Đây là đại Bồ Tát Đại
thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là
thập bát bất cộng pháp.

Những gì là mười tám ? Một là thân
của chư Phật không lỗi, hai là khẩu của
chư Phật không lỗi, ba là ý niệm của
chư Phật không lỗi, bốn là chư Phật
không có dị tướng, năm là chư Phật

không có tâm bất định, sáu là chư Phật không có tâm chẳng biết rồi mà xả, bảy là nguyện dục không diệt, tám là tinh tấn không diệt, chín là chánh niệm không diệt, mười là huệ không diệt, mười một là giải thoát không diệt, mười hai là giải thoát tri kiến không diệt, mười ba là tất cả thân nghiệp của Phật đều theo trí huệ mà hiện hành, mười bốn là tất cả khẩu nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười lăm là tất cả ý nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười sáu là trí huệ của Phật thấy biết thuở quá khứ không ngại, không chướng, mười bảy là trí huệ thấy biết thuở vị lai không ngại, không chướng, mười tám là trí huệ thấy biết thuở hiện tại không ngại, không chướng. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn.

Những gì là tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn ?

A tự môn, vì tất cả pháp từ đầu vốn là bất sanh vậy.

LA tự môn, vì tất cả pháp ly cấu vậy.

BA tự môn, vì tất cả pháp đệ nhút nghĩa vậy.

GIÁ tự môn, vì tất cả pháp trọn bất khả đắc vậy, vì tất cả pháp bất diệt, bất sanh vậy.

NA tự môn, vì tất cả pháp rời danh tánh tướng bất đắc, bất thất vậy.

LÃ tự môn, vì tất cả pháp thoát khỏi thế gian vậy, cũng là vì ái chi nhơn duyên dứt diệt vậy.

ĐÀ tự môn, vì tất cả pháp thiện tâm phát sanh, cũng là tướng xả thí vậy.

BÀ tự môn, vì các pháp bà tự rời lìa vậy.

ĐỒ tự môn, vì các pháp đồ tự thanh tịnh vậy.

SA tự môn, vì các pháp tự tại tánh thanh tịnh vậy.

HÒA tự môn, vì nhập vào các pháp, dứt bất ngữ ngôn vậy.

ĐA tự môn, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động vậy.

DẠ tự môn, vì nhập vào các pháp, như thiệt bất sanh vậy.

TRA tự môn, vì nhập vào các pháp, chiết phục bất khả đắc vậy.

CA tự môn, vì nhập vào các pháp, tác giả bất khả đắc vậy.

TA tự môn, vì nhập vào các pháp, thời gian bất khả đắc vậy, vì các pháp thời gian lay chuyển vậy.

MA tự môn, vì nhập vào các pháp, ngã sở bất khả đắc vậy.

GIÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, khứ giả bất khả đắc vậy.

THA tự môn, vì nhập vào các pháp, xứ sở bất khả đắc vậy.

XÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, sanh bất khả đắc vậy.

BẢ tự môn, vì nhập vào các pháp, bả tự bất khả đắc vậy.

ĐÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, tánh bất khả đắc vậy.

XA tự môn, vì nhập vào các pháp, định bất khả đắc vậy.

KHU tự môn, vì nhập vào các pháp, hư không bất khả đắc vậy.

XOA tự môn, vì nhập vào các pháp, diệt tận bất khả đắc vậy.

ĐÁ tự môn, vì nhập vào các pháp, hữu bất khả đắc vậy.

NHÃ tự môn, vì nhập vào các pháp, trí bất khả đắc vậy.

THA tự môn, vì nhập vào các pháp, tha tự bất khả đắc vậy.

BÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, phá hoại bất khả đắc vậy.

XA tự môn, vì nhập vào các pháp, dục bất khả đắc vậy, ngũ ấm như ảnh cũng bất khả đắc vậy.

MA tự môn, vì nhập vào các pháp, ma tự bất khả đắc vậy.

HỎA tự môn, vì nhập vào các pháp, kêu gọi bất khả đắc vậy.

TA tự môn, vì nhập vào các pháp, ta tự bất khả đắc vậy.

NOA tự môn, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm vậy.

PHẢ tự môn, vì nhập vào các pháp, biên bờ bất khả đắc vậy.

CA tự môn, vì nhập vào các pháp, tụ hợp bất khả đắc vậy.

SAI tự môn, vì nhập vào các pháp, sai tự bất khả đắc vậy.

GIÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, hiện hành bất khả đắc vậy.

TRA tự môn, vì nhập vào các pháp, cong vậy bất khả đắc vậy.

ĐỒ tự môn, vì nhập vào các pháp, chỗ tốt biên bờ nên chẳng diệt, chẳng sanh vậy.

Quá chữ Đồ thời không chữ có thể tuyên thuyết. Tại sao vậy ? Vì không còn có chữ vậy.

Những chữ vô ngại, vô danh, cũng diệt, chẳng nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được.

Nầy Tu Bồ Đề ! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đây gọi là đà la ni môn, chính là nghĩa của chữ A.

Nếu đại Bồ Tát, nơi những tự môn ấn, a tự ấn nầy, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác, thời biết rằng sẽ được hai mươi công đức.

Những gì là hai mươi ? Được nhớ biết dai. Được tâm quý. Được tâm kiên cố. Được chỉ thú của kinh. Được trí huệ. Được lạc thuyết vô ngại. Dễ được những môn đà la ni khác. Được tâm không nghi hối. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận. Được chẳng cao, chẳng hạ, an trụ tâm không tăng, không giảm. Được thiện xảo, biết lời nói của chúng

sinh. Được khéo phân biệt ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhơn duyên, tứ duyên và tứ đế. Được khéo phân biệt những căn tánh lợi độn của các chúng sinh. Được khéo biết tâm niệm của kẻ khác. Được khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa. Được khéo phân biệt thiên nhĩ thông. Được khéo phân biệt túc mạng thông. Được khéo phân biệt sanh tử thông. Được có thể khéo tuyên thuyết thị xứ, phi xứ. Được khéo biết thân oai nghi qua, lại, ngồi, đứng.

Những đà la ni môn, tự môn, a tự môn này gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy".



PHẨM PHÁT THÚ

THỨ HAI MƯƠI

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề : "Ông hỏi thế nào là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú ?

Này Tu Bồ Đề ! Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật, từ một địa đến một địa, đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú".

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là đại Bồ Tát từ một địa đến một địa ?".

Đức Phật nói : "Đại Bồ Tát biết tất cả pháp không có tướng lai khứ, cũng không có pháp hoặc lai khứ, hoặc đến, chẳng đến, vì các pháp tướng bất diệt vậy.

Đại Bồ Tát đối với các địa chẳng niệm, chẳng tư duy mà tu tập tri địa nghiệp, cũng chẳng thấy địa.

Những gì là tri địa nghiệp ?

Lúc an trụ bực sơ địa, đại Bồ Tát thật hành mười việc.

Một là thâm tâm kiên cố, vì dụng vô sở đắc vậy.

Hai là đối với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng, vì chúng sanh bất khả đắc vậy.

Ba là bố thí cho người, vì thọ giả bất khả đắc vậy.

Bốn là thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao vậy.

Năm là cầu pháp, vì tất cả pháp bất khả đắc vậy.

Sáu là thường xuất gia, vì gia bất khả đắc vậy.

Bảy là mến thích Phật thân, vì tướng hảo bất khả đắc vậy.

Tám là diễn nói giáo pháp xuất thế, vì các pháp phân biệt bất khả đắc vậy.

Chín là phá kiêu mạn, vì pháp sanh huệ bất khả đắc vậy.

Mười là thiệt ngữ, vì những ngữ ngôn bất khả đắc vậy.

Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bậc sơ địa tu tập.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc nhị địa thường niệm tám pháp.

Những gì là tám ?

Một là giới thanh tịnh. Hai là biết ơn và báo ơn. Ba là an trụ nhẫn nhục lực. Bốn là thọ hoan hỷ. Năm là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Sáu là nhập đại bi tâm. Bảy là tin kính và thưa hỏi nơi thầy. Tám là cần cầu các môn ba la mật.

Đây là đại Bồ Tát an trụ trong bậc nhị địa đầy đủ tám pháp.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc tam địa thật hành năm pháp.

Những gì là năm ?

Một là học vấn nhiều không nhàm đủ. Hai là thanh tịnh pháp thí cũng chẳng tự cao. Ba là thanh tịnh Phật độ cũng

chẳng tự cao. Bốn là nhận chịu vô lượng sự cần khổ thế gian mà vẫn chẳng nhàm. Năm là an trụ nơi tâm quý.

Đây là năm pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bậc tam địa phải đầy đủ.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc tứ địa phải thọ hành chẳng bỏ mười pháp.

Những gì là mười ?

Một là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Hai là thiếu dục. Ba là tri túc. Bốn là chẳng bỏ công đức đầu đà. Năm là chẳng bỏ giới. Sáu là trách ghét các dục nhiễm. Bảy là nhàm tâm thế gian, thuận tâm Niết Bàn. Tám là xả bỏ tất cả sở hữu. Chín là tâm chẳng trầm một. Mười là chẳng tiếc tất cả vật.

Đây là mười pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bậc tứ địa chẳng bỏ.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc ngũ địa xa rời mười hai pháp.

Những gì là mười hai ?

Một là xa lìa sự thân cận hàng bạch y. Hai là lìa xa hàng Tỳ Kheo Ni. Ba là xa lìa sự tham tiếc nhà người khác. Bốn là xa lìa sự đàm thuyết vô ích. Năm là xa lìa sự giận hờn. Sáu là xa lìa sự tự tôn đại. Bảy là xa lìa sự khinh miệt người khác. Tám là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chín là xa lìa đại mạn. Mười là xa lìa tự dụng. Mười một là xa lìa điên đảo. Mười hai là xa lìa tham sân si.

Đây là mười hai điều mà đại Bồ Tát an trụ trong bậc ngũ địa xa lìa.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc lục địa nên đầy đủ sáu pháp, chính là sáu ba la mật.

Bậc lục địa lại có sáu pháp chẳng nên làm. Những gì là sáu ? Một là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Hai là chẳng có ý lo ngại khi bố thí. Ba là bị đòi hỏi cầu xin, không có lòng trốn tránh. Bốn là những vật sở hữu đều đem bố thí. Năm là sau khi bố thí

xong, không có lòng hồi tiếc. Sáu là chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ trong bậc lục địa.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc thất địa phải xa lìa hai mươi pháp chẳng nên chẳng phải.

Những gì là hai mươi ?

Một là chẳng chấp ngã. Hai là chẳng chấp chúng sanh. Ba là chẳng chấp thọ giả. Bốn là chẳng chấp chúng sanh số nhân đến tri giả, kiến giả. Năm là chẳng chấp đoạn kiến. Sáu là chẳng chấp thường kiến. Bảy là chẳng nên khởi tướng dạng. Tám là chẳng nên khởi nhơn duyên kiến. Chín là chẳng chấp danh sắc. Mười là chẳng chấp ngũ ấm. Mười một là chẳng chấp thập nhị nhập. Mười hai là chẳng chấp thập bát giới. Mười ba là chẳng chấp tam giới. Mười bốn là chẳng khởi tâm chấp trước. Mười lăm là chẳng khởi chỗ mong cầu. Mười sáu là chẳng khởi

chỗ y chỉ. Mười bảy là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Phật. Mười tám là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Pháp. Mười chín là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Tăng. Hai mươi là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi giới. Đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước.

Lại có hai mươi pháp mà bậc thất địa phải đầy đủ.

Những gì là hai mươi ?

Một là đầy đủ không. Hai là chứng vô tướng. Ba là biết vô tác. Bốn là ba phần thanh tịnh. Năm là ở trong chúng sanh đầy đủ trí từ bi. Sáu là chẳng niệm tướng tất cả chúng sanh. Bảy là bình đẳng xem tất cả pháp, nơi trong đây cũng chẳng chấp trước. Tám là biết thiệt tướng của các pháp, cũng chẳng niệm tướng sự này. Chín là vô sanh pháp nhẫn. Mười là vô sanh trí. Mười một là tuyên thuyết các pháp nhứt tướng. Mười hai là phá tướng phân biệt. Mười ba là chuyển ức tướng.

Mười bốn là chuyển kiến. Mười lăm là chuyển phiên não. Mười sáu là đồng huệ đồng đẳng. Mười bảy là điều ý. Mười tám là tâm tịch diệt. mười chín là vô ngại trí. Hai mươi là chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước và hai mươi điều phải đầy đủ của bậc thất địa đại Bồ Tát.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bát địa phải đầy đủ năm pháp.

Những gì là năm ?

Một là thuận nhập vào tâm chúng sanh. Hai là du hí các thần thông. Ba là thấy các Phật quốc. Bốn là tự trang nghiêm quốc độ mình như Phật quốc đã thấy. Năm là quán thân Phật như thiết, tự trang nghiêm Phật thân.

Lại phải đầy đủ năm điều. Một là biết các căn tánh thượng hạ. Hai là thanh tịnh Phật độ. Ba là nhập như huyễn tam muội. Bốn là thường nhập tam muội. Năm là tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân.

Trên đây là năm pháp và năm điều mà đại Bồ Tát bát địa đầy đủ.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong cửu địa phải đầy đủ mười hai pháp. Một là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ. Hai là Bồ Tát được như chỗ nguyện cầu. Ba là biết tiếng nói của các Thiên long, Càn thát bà để thuyết pháp cho họ. Bốn là thành tựu thai sanh. Năm là thành tựu nhà. Sáu là thành tựu chỗ sanh. Bảy là thành tựu họ. Tám là thành tựu quyến thuộc. Chín là thành tựu xuất sanh. Mười là thành tựu xuất gia. Mười một là thành tựu bồ đề thọ trang nghiêm. Mười hai là thành tựu đầy đủ tất cả những công đức lành.

Trên đây là mười hai pháp mà bậc cửu địa đại Bồ Tát phải đầy đủ.

Nầy Tu Bồ Đề ! Phải biết bậc thập địa đại Bồ Tát thời là như đức Phật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là thâm tâm nhẫn đến thế nào là thiệt ngữ ?".

Đức Phật nói : "Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhưt thiết trí, tích tập tất cả thiện căn, đây gọi là thâm tâm tri địa nghiệp. Nếu sanh khởi tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ và xả, đây gọi là tâm bình đẳng ở trong tất cả chúng sanh. Nếu bố thí cho tất cả chúng sanh mà không phân biệt, đây gọi là tu bố thí. Nếu thân cận học hỏi, cung kính cúng dường các bậc có thể giáo hóa người an trụ trong nhưt thiết trí, đây gọi là thân cận thiện tri thức. Nếu cầu pháp đúng với tâm nhưt thiết trí, không sa vào hàng Thanh Văn Bích Chi Phật, đây gọi là cầu pháp. Nếu dòi dòi chẳng rời tâm xuất gia, luôn xuất gia trong Phật pháp không ai ngăn trở được, đây gọi là thường xuất gia tri địa nghiệp. Nếu thấy thân tướng của Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời niệm Phật, đây gọi là ái lạc Phật thân. Hoặc Phật hiện tại hoặc Phật đã nhập diệt, nếu vì chúng sanh mà thuyết pháp sơ trung hậu đều thiện, diệu nghĩa hảo ngữ trong sạch tinh thuần,

hoàn cụ cả mười hai bộ kinh từ tu đa la đến luận nghị, đây gọi là diễn nói giáo pháp xuất thế trị địa nghiệp. Vì phá kiêu mạn nên trọn chẳng thọ sanh nhà hạ tiện, đây gọi là phá kiêu mạn trị địa nghiệp. Đúng như lời mà thật hành, đây gọi là thiết ngữ trị địa nghiệp.

Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bậc sơ địa tu hành.

Thế nào là giới thanh tịnh nhẫn đến căn cầu các ba la mật ?

Này Tu Bồ Đề ! Nếu đại Bồ Tát chẳng có tâm niệm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật và những sự phá giới chướng ngại Phật đạo, đây gọi là giới thanh tịnh. Nếu thật hành Bồ Tát hạnh, cho đến một chút ơn nhỏ còn chẳng quên huống là nhiều, đây gọi là biết ơn báo ơn. Nếu đối với tất cả chúng sanh không giận hờn, không làm náo hại, đây gọi là an trụ sức nhẫn nhục. Lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, đây gọi là thọ

hoan hỷ. Nghĩ nhớ muốn cứu tất cả chúng sanh, đây gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nếu nghĩ như vậy : Tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết Bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhẫn thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm. Nếu đối với bậc sư trưởng xem như Phật, đây gọi là tin tưởng cung kính học hỏi nơi thầy. Nếu nhứt tâm siêng cầu các môn ba la mật mà không cầu sự khác, đây gọi là cần cầu các ba la mật.

Trên đây gọi là tám pháp đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bậc nhị địa.

Thế nào là học vấn nhiều không nhàm đủ nhẫn đến an trụ nơi tâm quý ?

Này Tu Bồ Đề ! Hoặc trong thế giới này hay ở thế giới mười phương có bao nhiêu chánh pháp của chư Phật tuyên thuyết thời đều muốn được nghe nhớ thọ trì cả, đây gọi là học vấn nhiều không

nhàm đủ. Có bao nhiêu pháp thí vẫn không mong cầu, cho đến còn chẳng cầu Vô thượng Bồ đề huống là những sự khác, đây gọi là pháp thí chẳng cầu danh lợi, cũng gọi là thanh tịnh pháp thí. Dem tất cả thiện căn hồi hướng thanh tịnh Phật độ, đây gọi là tịnh Phật quốc độ. Vì đầy đủ thiện căn nên có thể thành tựu chúng sanh, cũng trang nghiêm Phật độ cho đến đầy đủ nhứt thiết trí trợn không mỗi nhàm, đây gọi là chịu lấy vô lượng sự cần khổ mà chẳng nhàm. Hồ thẹn nơi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là an trụ nơi tâm quý.

Trên đây là đại Bồ Tát an trụ bậc tam địa đầy đủ năm pháp.

Thế nào là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã nhân đến chẳng tiếc tất cả vật ?

Này Tu Bồ Đề ! Bồ Tát có thể hơn bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Còn không có niệm mong muốn Vô thượng Bồ đề huống là những sự mong muốn khác, đây

gọi là thiếu dục, được nhất thiết chủng trí, đây gọi là tri túc. Quán sát các thâm pháp nhãn, đây gọi là chẳng bỏ đầu đà công đức. Chẳng chấp lấy giới tướng, đây gọi là chẳng bỏ giới. Vì dục tâm chẳng phát sanh, đây gọi là trách ghét các dục nhiễm. Vì biết tất cả pháp chẳng tạo tác, đây gọi là nhàm tâm thế gian mà thuận tâm Niết Bàn. Chẳng tiếc tất cả nội pháp, ngoại pháp, đây gọi là xả bỏ tất cả sở hữu. Tâm chẳng sanh khởi nơi hai thứ thức xứ, đây gọi là tâm chẳng trầm một. Đối với tất cả vật chẳng chấp trước, chẳng nghĩ nhớ, đây gọi là chẳng tiếc tất cả vật.

Trên đây là mười pháp chẳng bỏ của đại Bồ Tát an trụ trong bực tử địa.

Thế nào là xa lìa gần gũi hàng bách y nhãn đến xa lìa tham, sân, si ?

Này Tu Bồ Đề ! Bồ Tát sanh nơi đâu cũng đều xuất gia, từ một Phật quốc đến một Phật quốc thường xuất gia cạo đầu mặc ca sa, đây gọi là xa lìa gần gũi bách

y. Chẳng ở chung chỗ với Tỳ Kheo Ni, nhần đến chẳng nghĩ tưởng dầu là khoảng đàn chỉ, đây gọi là xa lìa Tỳ Kheo Ni. Bồ Tát suy nghĩ như vậy : Tôi phải an lạc chúng sanh, nay họ giúp tôi an lạc thời đâu nên sanh lòng lẩn tiếc, đây gọi là xa lìa sự lẩn tiếc nhà người khác. Nếu có chỗ nào luận đàm có thể phát sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, thời tôi phải xa lìa, đây gọi là xa lìa chỗ luận đàm vô ích. Chẳng để cho tâm giận hờn, tâm náo hại, tâm đấu tranh xen vào, đây gọi là xa lìa tâm sân. Chẳng thấy có nội pháp, đây gọi là xa lìa sự tự tôn đại. Chẳng thấy có ngoại pháp, đây gọi là xa lìa sự khi dễ người. Mười nghiệp đạo bất thiện còn là chương ngại bất thánh đạo huống là Vô thượng Bồ đề, đây gọi là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chẳng thấy có pháp gì có thể làm đại mạn, đây gọi là xa lìa đại mạn. Chẳng thấy có pháp gì có thể tự dùng được, đây gọi là xa lìa tự dụng. Chỗ điên đảo bất khả đắc, đây gọi là xa lìa điên đảo. Chẳng

thấy được chỗ tham, sân, si, đây gọi là xa lìa tham, sân, si.

Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực ngũ địa xa lìa mười hai pháp.

Thế nào là đầy đủ sáu pháp ? An trụ trong sáu ba la mật có thể vượt đến bờ kia, đây gọi là đầy đủ sáu pháp.

Thế nào là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật nhĩ đến chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu ?

Này Tu Bồ Đề ! Bồ Tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát nghĩ rằng bố thí có lòng lo ngại thời là chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là bố thí chẳng sanh lòng lo sợ. Bồ Tát nghĩ rằng thấy người cầu xin mà có tâm trốn tránh thời chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng có lòng trốn tránh khi bị cầu xin. Lúc bố thí chẳng nói cái này cho được, cái này cho chẳng được, đây gọi là những vật sở hữu

đều đem bố thí. Vì sức từ bi nên sau khi bố thí chẳng ăn năn. Vì sức tín công đức nên chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Trên đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ bậc lục địa.

Thế nào là chẳng chấp ngã nhân đến chẳng chấp nơi sự thấy là phải nương nơi giới ?

Này Tu Bồ Đề ! Vì rốt ráo vô ngã, vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo bất khả đắc nên chẳng chấp trước những pháp ấy. Không có pháp đoạn diệt vì các pháp rốt ráo bất sanh nên chẳng chấp đoạn kiến. Nếu pháp đã chẳng sanh thời cũng chẳng thường nên chẳng chấp thường kiến. Vì không các phiền não nên chẳng chấp lấy tướng. Vì chư kiến đều chẳng thể thấy được nên chẳng khởi nhon duyên kiến. Vì danh sắc, ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, tam giới, tâm, nguyện và y chỉ đều là tánh không nên chẳng chấp trước. Vì khởi sự thấy là

phải nương nơi Phật thời chẳng thấy Phật nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Phật. Vì Pháp chẳng thể thấy nên chẳng khởi sự thấy y chỉ Pháp. Vì Tăng tướng vô vi chẳng thể nương nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Tăng. Vì nơi tội cùng vô tội đều không dính mắc nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi giới.

Trên đây là hai mươi pháp chẳng nên chấp trước của đại Bồ Tát an trụ trong bực thất địa.

Thế nào là đầy đủ không nhần đến chẳng nhiễm ái ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đầy đủ tự tướng không của các pháp, đây là đầy đủ không. Chẳng tướng nhớ các tướng, đây là chứng vô tướng. Chẳng tạo tác trong tam giới, đây là biết vô tác. Đầy đủ mười nghiệp đạo lành, đây là ba phần thanh tịnh. Vì được đại bi nên đầy đủ trí từ bi. Vì đầy đủ thanh tịnh Phật độ nên chẳng niệm tướng tất cả chúng sanh. Vì chẳng tổn ích đối với tất cả

pháp nên bình đẳng quán sát tất cả pháp. Vì các pháp thiết tướng là vô tri nên Bồ Tát biết thiết tướng của các pháp. Vì các pháp bất sanh, bất diệt, bất tác nên Bồ Tát được vô sanh pháp nhãn. Vì biết danh sắc bất sanh nên được vô sanh trí. Vì tâm chẳng hiện hành hai tướng nên tuyên nói các pháp nhứt tướng. Vì tất cả pháp chẳng phân biệt nên phá tướng phân biệt. Vì vô lượng tướng niệm lớn nhỏ chuyển nên Bồ Tát chuyển nhớ tướng. Vì kiến chấp Thanh Văn, Bích Chi Phật chuyển nên chuyển kiến. Vì dứt trừ những phiền não nên chuyển phiền não. Vì được nhứt thiết chủng trí nên định huệ đồng đẳng. Vì bất động đối với tam giới nên ý được điều. Vì chế ngự sáu căn nên tâm tịch diệt. Vì được Phật nhãn nên trí vô ngại. Vì xả bỏ sáu trần nên chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi pháp phải đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bậc thất địa.

Thế nào là đại Bồ Tát thuận nhập tâm chúng sanh nhần đến tự trang nghiêm Phật thân ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát dùng một tâm biết rõ tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh, đây là thuận nhập tâm chúng sanh. Dùng thần thông từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cũng không có tưởng niệm Phật quốc, đây là du hí các thần thông. Từ ở cõi mình mà thấy vô lượng Phật quốc, cũng không có tưởng Phật quốc, đây là xem thấy các Phật quốc. Trụ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương đi khắp Đại Thiên thế giới để tự trang nghiêm nước của mình, đây là tự trang nghiêm nước mình như Phật quốc đã được thấy. Vì như thiết quán pháp thân nên là như thiết quán Phật thân.

Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực bát địa đầy đủ năm pháp.

Thế nào là biết các căn tánh thượng hạ nhần đến thế nào là tùy theo thiện căn để thọ thân ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong Phật thập lực biết những căn tánh thượng hạ của tất cả chúng sanh. Vì tính chúng sanh nên Phật độ tịnh. Trụ trong như huyền tam muội thời có thể thành tựu tất cả sự, cũng chẳng phát sanh tâm tướng. Vì được báo sanh tam muội nên thường nhập tam muội. Vì thành tựu chúng sanh nên tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân hầu giáo hóa họ.

Trên đây là năm điều mà đại Bồ Tát trụ bực bát địa được đầy đủ.

Thế nào là đại Bồ Tát nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ dẫn đến công đức thành tựu đầy đủ ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong vô biên thế giới đúng như chỗ đáng được độ của Phật pháp, đây là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ. Được đầy đủ sáu ba la mật, đây là được như chỗ nguyện cầu. Do từ vô ngại biện lực nên biết tiếng

nói của chư Thiên Long. Càn thất bà. Vì đời đời thường hóa sanh nên thai sanh được thành tựu. Vì thường sanh trong nhà vọng tộc nên nhà được thành tựu. Vì sanh nơi dòng Sát Đế Lợi hoặc Bà La Môn nên chỗ sanh thành tựu. Như họ của Bồ Tát quá khứ sanh mà sanh trong đó nên họ được thành tựu. Vì thuần dùng hàng đại Bồ Tát làm quyến thuộc nên quyến thuộc được thành tựu. Vì lúc sanh ra quang minh của Bồ Tát chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới cũng chẳng chấp lấy tướng quang minh nên xuất sanh được thành tựu. Vì khi xuất gia có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ và quyết định đưa chúng sanh đến quả Tam thừa nên xuất gia thành tựu. Cây bồ đề dùng hoàng kim làm gốc, bảy báu làm thân, nhánh, lá chiếu sáng khắp vô lượng vô số thế giới mười phương, đây là trang nghiêm Phật thọ thành tựu. Chúng sanh được thanh tịnh, Phật độ cũng thanh tịnh, đây là tất cả công đức lành thành tựu đầy đủ.

Trên đây là mười hai pháp của bậc cửu địa đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ.

Thế nào là đại Bồ Tát an trụ trong bậc thập địa phải biết như Phật ?

Này Tu Bồ Đề ! Nếu đại Bồ Tát đầy đủ sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí dứt tất cả phiền não và tập khí, thời gọi là đại Bồ Tát an trụ trong bậc thập địa phải biết là chư Phật.

Này Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc thập địa này dùng sức phương tiện để thật hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến thật hành mười tám pháp bất cộng, vượt qua bậc cần huệ địa, bậc tánh địa, bậc bát nhơn địa, bậc kiến địa, bậc bạc địa, bậc ly dục địa, bậc dĩ tác địa, bậc Bích Chi Phật địa, bậc Bồ Tát địa. Vượt qua chín bậc trên mà an trụ nơi Phật địa, đây là Bồ Tát thập địa.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú".

PHẨM XUẤT ĐÁO

THỨ HAI MƯƠI MỐT

"Nầy Tu Bồ Đề ! Ông hỏi Đại thừa nầy từ chỗ nào phát xuất và đến an trụ chỗ nào ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại thừa nầy phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong nhứt thiết trí, vì là pháp bất nhị vậy.

Tại sao vậy ?

Đại thừa và nhứt thiết trí là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối là nhứt tướng, chính là vô tướng.

Nếu có người muốn cho thiết tế phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho pháp như, pháp tánh, bất tư nghì tánh phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Tướng không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ nhưt thiết trí, vì sắc sắc tướng rỗng không, thọ, tưởng, hành, thức thức tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho nhãn không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho nhĩ, tĩ, thiệt thân, ý không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho sắc không, thanh không nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Nhãn không nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không chẳng

ra từ tam giới cũng chẳng an trụ nhứt thiết trí, vì nhãn nhãn tướng rỗng không nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho mộng, ảo, diệm, hưởng, ảnh và hóa phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Mộng tướng nhãn đến hóa tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì mộng mộng tướng rỗng không nhãn đến hóa hóa tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho Đàn na ba la mật phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, Bát nhã ba la mật phát xuất thời là muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì Đàn na Đàn na tướng rỗng không nhãn đến Bát nhã Bát nhã tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn nội không nhãn đến vô pháp hữu pháp không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Nội không tướng đến vô pháp hữu pháp không tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì nội không nội không tánh rỗng không nhãn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Tứ niệm xứ tánh đến thập bát bất cộng pháp tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì tứ niệm xứ tứ niệm xứ tánh rỗng không nhần đến bất cộng pháp bất cộng pháp tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho A La Hán phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Bích Chi Phật phát xuất thời là muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy ?

Nầy Tu Bồ Đề ! A La Hán tánh, Bích Chi Phật tánh và Phật tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì A La Hán A La Hán tánh rỗng không, Bích Chi Phật Bích Chi Phật tánh rỗng không, Phật Phật tánh rỗng không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Do nhơn duyên trên đây nên Đại thừa này phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong nhứt thiết trí, vì bất động vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Ông hỏi Đại thừa này đến an trụ chỗ nào ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại thừa này không chỗ an trụ, vì tất cả pháp không có tướng an trụ vậy. Đại thừa này nếu có an trụ thời là chẳng phải an trụ.

Nầy Tu Bồ Đề ! Ví như pháp tánh bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ, vì pháp tánh pháp tánh tướng rỗng không vậy, nhân đến vì vô tác vô tác tánh rỗng không vậy.

Như pháp tánh, các pháp khác cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Đại thừa này cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Nầy Tu Bồ Đề ! Do nhơn duyên như thế nên Đại thừa này không chỗ an trụ, vì là pháp bất trụ, là pháp bất động vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Ông hỏi ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Không có ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất. Tại sao vậy ? Vì Đại thừa nầy cùng người phát xuất và pháp bị sử dụng cùng thời gian phát xuất đều vô sở hữu cả.

Nếu tất cả pháp là vô sở hữu thời dùng pháp gì để phát xuất ?

Tại sao vậy ?

Ngã bất khả đắc nhãn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Bất khả tư nghì tánh bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tu Đà Hoàn đến Bồ Tát, chư Phật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tu Đà Hoàn quả đến nhưt thiết chủng trí bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Quá khứ thế, vị lai thế, hiện tại thế, sanh, trụ, diệt bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tăng, giảm bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Vì những pháp gì bất khả đắc nên là bất khả đắc ?

Nầy Tu Bồ Đề ! Vì pháp tánh bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì như thiết tế, bất khả tư nghì tánh, pháp tướng, pháp vị bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì bất sanh, bất diệt đến vô khởi, vô tác bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Lại vì sơ địa đến thập địa bất khả đắc nên là bất khả đắc, vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là sơ địa đến thập địa ? Chính là càn huệ địa, tánh địa, bát nhơn địa, kiến địa, bậc địa, ly dục địa, dĩ tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng có thể được sơ địa đến thập địa.

Tại sao vậy ? Vì sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, nhãn đến thập địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sanh bất khả đắc, tịnh Phật quốc độ bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, ngũ nhãn bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Vì thế nên đại Bồ Tát do nơi tất cả pháp bất khả đắc mà ngồi Đại thừa này từ tam giới phát xuất an trụ trong như thiết trí".



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN THỨ BẢY

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM THẮNG XUẤT

THỨ HAI MƯƠI HAI

Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đại thừa và người Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bạch đức Thế Tôn ! Đại thừa này đồng đẳng với hư không.

Như hư không dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Cũng vậy, Đại thừa này dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh.

Đại thừa này, chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ dừng ở.

Đại thừa này, chẳng thể được quá khứ, chẳng thể được vị lai, chẳng thể được hiện tại. Ba đời bình đẳng là Đại thừa này.

Do duyên có trên đây nên gọi là Đại thừa".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Đây Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát Đại thừa là sáu ba la mật : Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tất cả đà la ni môn, tất cả tam muội môn. Như là thủ lãnh nghiêm tam muội đến lý trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Này Tu Bồ Đề ! Như lời ông nói, Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu Dục giới là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng diên đảo, thường hằng chẳng hư hoại chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi Dục giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu Sắc giới và Vô sắc giới là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng diên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi Sắc giới và Vô sắc giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu pháp tánh như thiệt tế, bất khả tư nghì tánh là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi pháp tánh đến bất tư nghì tánh không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu nội không đến vô pháp hữu pháp không là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi nội không đến vô pháp hữu pháp không không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi tứ niệm xứ đến bất cộng pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu tánh nhơn pháp, bát nhơn pháp, Tu Đà Hoàn pháp, Tư Đà Hàm pháp, A Na Hàm pháp, A La Hán pháp, Bích Chi Phật pháp và Phật pháp là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi tánh nhơn pháp đến Phật pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu bậc tánh địa, bậc bát nhơn, bậc Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi tánh địa đến chư Phật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, những tâm trong khoảng trung gian đó là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bởi những tâm trong khoảng trung gian từ lúc phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng của đại Bồ Tát không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt

hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu như kim cang huệ của đại Bồ Tát là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời đại Bồ Tát này không thể biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp để được nhứt thiết chủng trí.

Bởi như kim cang huệ không có pháp, chẳng phải pháp, nên đại Bồ Tát biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp được nhứt thiết chủng trí. Thế nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời oai đức của chư Phật chẳng thể chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên Nhơn, A tu la.

Bởi ba mươi hai tướng không có pháp, chẳng phải pháp, nên oai đức của chư Phật chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu quang minh của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chẳng thể chiếu khắp hằng sa quốc độ.

Bởi quang minh của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể chiếu khắp hằng sa quốc độ.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật chẳng thể dùng sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương.

Bởi sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể dùng âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương.

Nầy Tu Bồ Đề ! Nếu pháp luân của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật không thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà

La Môn hoặc chư Thiên vương, Ma vương, Phạm vương và tất cả thế gian chúng sanh đều chẳng chuyển được.

Bởi pháp luân của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà La Môn hoặc Trời, Người và tất cả chúng khác trong thế gian đều chẳng chuyển được.

Nầy Tu Bồ Đề ! Chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Nếu chúng sanh ấy là pháp thiết có mà chẳng phải là pháp không có, thì không thể làm cho chúng sanh ấy ở nơi vô dư y Niết Bàn mà nhập Niết Bàn.

Bởi chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Chúng sanh ấy không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể làm cho chúng sanh ấy ở trong vô dư y Niết bàn đã diệt độ, nay diệt độ, sẽ diệt độ".



PHẨM ĐẲNG KHÔNG

THỨ HAI MƯƠI BA

"Nầy Tu Bồ Đề ! Ông nói Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Đúng như vậy, Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như hư không không có Đông, Tây v.v... mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương.

Như hư không chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn, Đại thừa cũng chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn.

Như hư không chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Đại thừa cũng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng

vậy, Đại thừa chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Như hư không chẳng tăng, chẳng giảm. Cũng vậy, Đại thừa chẳng tăng, chẳng giảm.

Như hư không chẳng cấu, chẳng tịnh. Cũng vậy, Đại thừa chẳng cấu, chẳng tịnh.

Như hư không chẳng sanh, chẳng diệt, không dùng, không đổi. Cũng vậy, Đại thừa chẳng sanh, chẳng diệt, không dùng, không đổi.

Như hư không chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký.

Như hư không chẳng thấy nghe, chẳng hay biết. Cũng vậy, Đại thừa không thấy nghe, hay biết.

Như hư không chẳng thể biết được, chẳng thể hay được, chẳng thể thấy được, chẳng thể dứt được, chẳng thể chứng được, chẳng thể tu được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thể biết được, hay được, thấy

được, dứt được, cũng chẳng thể chúng được, tu được.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề ! Hư không chẳng phải tướng nhiễm, tướng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng ly.

Như hư không chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Cũng vậy, Đại thừa chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Như hư không chẳng có sơ phát tâm nhân đến đệ thập tâm. Cũng vậy, Đại thừa không có sơ phát tâm nhân đến đệ thập tâm.

Như hư không chẳng có càn huệ địa, tánh nhơn địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa. Cũng vậy, Đại thừa không có càn huệ địa đến dĩ tác địa.

Như hư không chẳng có quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm,

quả A La Hán. Cũng vậy, Đại thừa không có quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Như hư không chẳng có Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Cũng vậy, Đại thừa không có Thanh Văn địa đến Phật địa.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề ! Như hư không chẳng phải sắc vô sắc, chẳng phải khả kiến, bất khả kiến, chẳng phải hữu đối, vô đối, chẳng phải hiệp, chẳng phải tán. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải sắc nhãn đến chẳng phải tán.

Như hư không chẳng phải thường vô thường, chẳng phải lạc, khổ, chẳng phải ngã vô ngã. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thường vô thường, lạc, khổ, ngã vô ngã.

Như hư không chẳng phải không bất không, chẳng phải tướng vô tướng, chẳng phải tác vô tác. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải không đến chẳng phải vô tác.

Như hư không chẳng phải tịch diệt chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng ly.

Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tịch diệt đến chẳng phải chẳng ly.

Như hư không chẳng phải tối sáng. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tối sáng.

Như hư không chẳng phải khả đắc, bất khả đắc. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc.

Như hư không chẳng phải khả thuyết, bất khả thuyết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả thuyết, chẳng phải bất khả thuyết.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề ! Như lời ông nói, như hư không dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Đúng như vậy. Vì chúng sanh vô sở hữu, nên biết rằng hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu, nên biết rằng Đại thừa cũng vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tại sao vậy ? Vì chúng sanh hư không và Đại thừa đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết rằng vô số vô sở hữu. Vì vô số vô sở hữu nên biết rằng vô lượng vô sở hữu. Vì vô lượng vô sở hữu nên biết rằng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết rằng tất cả các pháp vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tại sao vậy ? Vì chúng sanh hư không, Đại thừa vô số vô lượng vô biên, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu, nên biết rằng pháp như, pháp tánh, thiết tế vô sở hữu.

Vì pháp như, pháp tánh, thiết tế vô sở hữu, nên biết nhẫn đến vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu.

Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả pháp vô sở hữu.

Do nhưn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng

sanh. Tại sao vậy ? Vì chúng sanh ngã nhãn đến tri giả, kiến giả cùng thiết tế đến vô biên và tất cả pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết rằng bất khả tư nghì tánh vô sở hữu.

Vì bất tư nghì tánh vô sở hữu nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã nhãn đến tri giả, kiến giả, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề ! Vì ngã vô sở hữu nhân đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết nhân, nhĩ, tĩ, thiết, thân, ý vô sở hữu.

Vì nhân, nhĩ, tĩ, thiết, thân, ý vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên và tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề ! Vì ngã nhân đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật đều vô sở hữu.

Vì Bát nhã ba la mật vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy ? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết nội không đến vô pháp hữu pháp không đều vô sở hữu.

Vì vô pháp hữu pháp không vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tại sao vậy ? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề ! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tứ niệm xứ đến bất cộng pháp vô sở hữu.

Vì bất cộng pháp vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy ? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề ! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tánh địa đến dĩ tác địa vô sở hữu.

Vì dĩ tác địa vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy ? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn đến A La Hán vô sở hữu.

Vì A La Hán vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy ? Vì bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề ! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Thanh Văn thừa vô sở hữu.

Vì Thanh Văn thừa vô sở hữu nên biết Bích Chi Phật thừa vô sở hữu.

Vì Bích Chi Phật thừa vô sở hữu nên biết Phật thừa vô sở hữu.

Vì Phật thừa vô sở hữu nên biết người Thanh Văn vô sở hữu.

Vì người Thanh Văn vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn vô sở hữu nhứt đến Phật vô sở hữu.

Vì Phật vô sở hữu nên biết nhứt thiết chủng trí vô sở hữu.

Vì nhứt thiết chủng trí vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên vô số đến tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy ?

Vì bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như trong tánh Niết Bàn dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa này cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Do nhơn duyên này nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như lời ông nói, Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Đúng như vậy. Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Tại sao vậy ? Vì tất cả các pháp tướng chẳng lay động vậy nên các pháp chẳng có chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở.

Tại sao vậy ? Nầy Tu Bồ Đề ! Sắc không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc như, thọ như, tướng như, hành như, thức như không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc tánh đến thức tánh không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc tướng đến thức tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Như ngũ uẩn, thập nhị nhập, thập bát giới, lục đại chủng cũng vậy. Nhãn, nhãn pháp, nhãn như, nhãn tánh, nhãn tướng, đến thức chủng, thức chủng pháp, thức chủng như, thức chủng tánh, thức chủng tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như, như pháp, như như, như tánh, như tướng, thiết tế, thiết tế pháp, thiết tế như, thiết tế tánh, thiết tế tướng, bất khả tư nghì, bất khả tư nghì pháp, bất khả tư nghì như, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tướng, đều không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, ba la mật, ba la mật pháp, ba la mật như, ba la mật tánh, ba la mật tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Tứ niệm xứ, tứ niệm xứ pháp, tứ niệm xứ như, tứ niệm xứ tánh, tứ niệm xứ tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Nhẫn đến mười tám pháp bát cộng cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Bồ Tát, Bồ Tát pháp, Bồ Tát như, Bồ Tát tánh, Bồ Tát tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chánh giác pháp, chánh giác như, chánh giác tánh, chánh giác tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề ! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa đây chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề ! Như lời ông nói, Đại thừa đây tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Đại thừa đây gọi là ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề ! Đại thừa đây tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Tại sao vậy ? Vì đời quá khứ thời đời quá khứ rỗng không, đời vị lai thời đời vị lai rỗng không, đời hiện tại thời đời hiện tại rỗng không, ba đời bình đẳng thời ba đời bình đẳng rỗng không, Đại

thừa thời Đại thừa rỗng không, Bồ Tát thời Bồ Tát rỗng không. Tại sao vậy ? Tánh không này chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải khác, thế nên gọi là ba đời bình đẳng, là đại Bồ Tát Đại thừa.

Trong Đại thừa này, bình đẳng cùng chẳng bình đẳng đều bất khả đắc, nhiễm cùng chẳng nhiễm, sâu cùng chẳng sâu, si cùng chẳng si, mạn cùng chẳng mạn đều bất khả đắc, nhấn đến tất cả pháp thiện cùng pháp bất thiện đều bất khả đắc.

Trong Đại thừa này, thường cùng vô thường, lạc cùng khổ, thiệt cùng không thiệt, ngã cùng vô ngã đều bất khả đắc.

Trong Đại thừa này, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều bất khả đắc. Vượt qua Dục giới, vượt qua Sắc giới, vượt qua Vô sắc giới đều bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì Đại thừa này, tự pháp bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề ! Quá khứ sắc, thọ, tưởng, hành thức, quá khứ sắc, thọ,

tuởng, hành, thức rỗng không. Vị lai sắc, thọ, tuởng, hành, thức, vị lai sắc, thọ, tuởng, hành, thức rỗng không. Hiện tại sắc, thọ, tuởng, hành, thức, hiện tại sắc, thọ, tuởng, hành, thức rỗng không.

Trong tánh không, quá khứ, vị lai, hiện tại sắc, thọ, tuởng, hành, thức đều bất khả đắc. Tại sao vậy ? Vì trong tánh không, không đó còn là bất khả đắc huống là trong tánh không mà có được những tam thế ngũ uẩn.

Nầy Tu Bồ Đề ! Quá khứ, vị lai, hiện tại lục ba la mật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, lục ba la mật cũng bất khả đắc. Tại sao vậy ? Vì trong bình đẳng, quá khứ, vị lai, hiện tại đều bất khả đắc. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng còn là bất khả đắc, huống là trong bình đẳng mà có được quá khứ, hiện tại, vị lai.

Như lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, người phạm phu bất khả đắc.

Trong ba đời bình đẳng, người phạm phu cũng bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật cũng đều bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng sẽ được đầy đủ nhứt thiết chủng trí. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, cũng chính là tướng ba đời bình đẳng.

Đại Bồ Tát an trụ trong đây thời hơn tất cả thế gian, hàng Trời, Người, A tu la, thành tựu nhứt thiết trí".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Lành thay, lành thay ! Đại Bồ Tát Đại thừa nầy, quá khứ chư đại Bồ tát học trong đây đã được nhứt thiết

chủng trí. Vị lai chư đại Bồ Tát học trong đây sẽ được nhứt thiết chủng trí. Hiện tại chư đại Bồ Tát trong vô lượng vô số quốc độ mười phương cũng học trong đây mà được nhứt thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn ! Do đây nên Đại thừa này thiết là đại Bồ Tát Đại thừa vậy".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Đại thừa này nên đã được, sẽ được và hiện được nhứt thiết chủng trí".



PHẨM HỘI TÔNG

THỨ HAI MƯƠI BỐN

Bấy giờ Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đức Phật sai Ngài Tu Bồ Đề vì chur đại Bồ Tát giải thuyết Bát nhã ba la mật. Nay sao lại nói Đại thừa làm chi ?".

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Con nói Đại thừa có rời Bát nhã ba la mật chăng ?".

Đức Phật nói : "Tu Bồ Đề nói Đại thừa không rời Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy ? Vì tất cả pháp thiện, pháp trợ đạo, hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Những thiện pháp, trợ đạo pháp, Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ

Tát pháp, Phật pháp nào đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật ?".

Đức Phật nói : "Những lục ba la mật, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, ba giải thoát môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng đây và những thiện pháp, trợ đạo pháp khác, hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề ! Hoặc đại Bồ Tát Đại thừa, hoặc sáu môn ba la mật, hoặc ngũ ấm đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, hoặc sáu đại chủng, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, ba môn giải thoát và những thiện pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc tứ đế, hoặc tam giới, hoặc thập bát không, hoặc các môn tam muội, các môn đà la ni đến mười tám pháp bất cộng, hoặc Phật, Phật

pháp, Phật tánh, Phật như, thiết tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn, tất cả những pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, không đẳng một tướng, chính là vô tướng.

Nầy Tu Bồ Đề ! Do nhơn duyên đây nên Đại thừa của ông nói tùy thuận với Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy ? Vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật chẳng khác Đại thừa, Bát nhã ba la mật cùng Đại thừa không hai, không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề ! Tứ niệm xứ chẳng khác Đại thừa, Đại thừa chẳng khác tứ niệm xứ, tứ niệm xứ cùng Đại thừa không hai, không khác. Tứ chánh cần đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Do nhơn duyên đây nên Tu Bồ Đề nói Đại thừa chính là nói Bát nhã ba la mật".



PHẨM THẬP VÔ

THỨ HAI MƯƠI LĂM

Ngài Tu Bồ Đề thưa : "Bạch Đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên đại Bồ Tát cũng vô biên.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là đại Bồ Tát, đây cũng là bất khả đắc.

Nơi tất cả thứ, tất cả chỗ cầu tìm đại Bồ Tát đều bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn ! Con sẽ dạy cho những đại Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật ?

Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát chỉ có danh tự. Như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy.

Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh ?
Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo
chẳng sanh ?

Bạch đức Thế Tôn ! Rốt ráo chẳng
sanh thời chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng
sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành,
thức.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu pháp rốt ráo
chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật
này chăng ? Rồi pháp rốt ráo chẳng sanh
cũng không có Bồ Tát thật hành Vô
thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu Bồ Tát nghe lời nói này mà tâm
chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng
kinh hãi, chẳng sợ sệt, phải biết rằng
đây là bậc đại Bồ Tát có thể thật hành
Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề :
"Nhơn duyên gì mà nói rằng đại Bồ Tát
tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc,
trung tế bất khả đắc ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng vì sắc vô
biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì

thọ, tướng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc; thọ, tướng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nơi tất cả thứ tất cả chỗ, Bồ Tát đều bất khả đắc, thời sẽ dạy những Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng Bồ Tát chỉ có danh tự ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh, những thọ, tướng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc, rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tướng, hành, thức ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật này chăng ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu Bồ Tát nghe lời nói này mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt thời gọi là bậc đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật ?".

Ngài Tu Bồ Đề trả lời Ngài Xá Lợi Phất : "Vì chúng sanh vô sở hữu, nên Bồ Tát tiên tể bất khả đắc, hậu tể bất khả đắc, trung tể bất khả đắc. Vì chúng sanh không, vì chúng sanh ly nên Bồ Tát tiên tể bất khả đắc.

Vì sắc vô sở hữu, vì thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên Bồ Tát tiên tể bất khả đắc. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức ly nên Bồ Tát tiên tể bất khả đắc.

Vì ngũ ấm tánh vô sở hữu nên Bồ Tát tiên tế bất khả đắc. Vì lục ba la mật vô sở hữu nên Bồ Tát tiên tế bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì trong tánh không, tiên tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiên tế.

Tánh không cùng Bồ Tát và tiên tế, ba pháp ấy không hai, không khác. Vì nhơn duyên này mà Bồ Tát tiên tế bất khả đắc.

Này Ngài Xá Lợi Phất ! Vì sáu ba la mật rỗng không, vì sáu ba la mật rời lìa, vì sáu ba la mật tánh không có nên Bồ Tát tiên tế bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì trong tánh không, tiên tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiên tế. Tánh không cùng Bồ Tát và tiên tế, ba pháp này không

hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất ! Vì nội không đến vô sở hữu pháp không là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế không hai, không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất ! Vì tất cả tam muội môn, tất cả đà la ni môn là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì pháp tánh, pháp như, thiết tế, bất khả tư nghì tánh là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất ! Vì Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Đà là vô sở hữu rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì Vô thượng Bồ đề, nhứt thiết chủng trí là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy ? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Bồ Tát cũng bất khả đắc.

Không chẳng khác Bồ Tát, cũng chẳng khác tiền tế. Không cùng Bồ Tát và tiền tế, các pháp này không hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Như tiền tế, hậu tế và trung tế cũng vậy.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất ! Sắc như hư không, thọ, tưởng, hành, thức như hư không.

Tại sao vậy ? Như hư không, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì không có biên và trung nên chỉ gọi tên là hư không.

Cũng vậy, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì sắc rỗng không. Trong rỗng không cũng không có biên bờ, không có trung gian. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Do nhơn duyên này nên vì sắc vô biên mà biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Nhấn đến bất cộng pháp cũng luận thuyết như vậy.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Sắc sắc tướng rỗng không, nhấn đến thức thức tướng rỗng không.

Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nhấn đến Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không.

Nội không nội không tướng rỗng không, nhấn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tướng rỗng không.

Tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không, nhấn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tướng rỗng không.

Pháp như pháp như tướng rỗng không, nhãn đến bất khả tư nghì tánh bất khả tư nghì tánh tướng rỗng không.

Tam muội môn tam muội môn tướng rỗng không, nhãn đến nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí tướng rỗng không.

Thanh Văn thừa Thanh Văn thừa tướng rỗng không, nhãn đến Phật thừa Phật thừa tướng rỗng không.

Thanh Văn nhơn Thanh Văn nhơn tướng rỗng không, nhãn đến Phật tướng rỗng không.

Trong rỗng không đó, sắc bất khả đắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng bất khả đắc. Do đây nên sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Trong sắc, sắc bất khả đắc. Trong thọ, sắc bất khả đắc. Trong thọ, thọ bất khả đắc. Trong sắc, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, tưởng bất khả đắc. Trong sắc thọ, tưởng bất khả đắc.

Trong hành, tướng bất khả đắc. Trong hành, hành bất khả đắc.

Trong sắc thọ tướng, hành bất khả đắc. Trong thức, hành bất khả đắc. Trong thức, thức bất khả đắc. Trong sắc thọ tướng hành, thức bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất ! Trong nhãn, nhãn bất khả đắc. Trong nhĩ, nhãn bất khả đắc. Trong nhĩ, nhĩ bất khả đắc. Trong nhãn, nhĩ bất khả đắc. Trong tĩ, nhĩ bất khả đắc. Trong tĩ, tĩ bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, thiệt bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ, thiệt bất khả đắc. Trong thân, thiệt bất khả đắc. Trong thân, thân bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt, thân bất khả đắc. Trong ý, thân bất khả đắc. Trong ý, ý bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt thân, ý bất khả đắc.

Như ngũ ấm và sáu căn, sáu trần, sáu thức và sáu xúc cùng sáu xúc, như duyên, sanh thọ cũng vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, tất cả tam muội môn đến tất cả đà la ni môn, tánh pháp đến Bích Chi Phật pháp, sơ địa đến thập địa, nhứt thiết trí, đạo chủng trí và nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Tu Đà Hoàn đến Phật cũng như vậy.

Này Ngài Xá Lợi Phất ! Trong Bồ Tát, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bồ Tát, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, Bồ Tát và Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc.

Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc như vậy. Do nhơn duyên này nên trong tất cả thứ, tất cả chỗ, Bồ Tát bất khả

đắc. Thời sẽ dạy những Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật ?

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Sắc là giả danh. Thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Sắc gọi là chẳng phải sắc, nhãn đến thức gọi là chẳng phải thức.

Tại sao vậy ? Vì danh danh tướng rỗng không. Nếu rỗng không thời chẳng phải Bồ Tát. Do nhơn duyên này nên Bồ Tát chỉ có giả danh.

Này Ngài Xá Lợi Phất ! Đàn na ba la mật chỉ có danh tự. Trong danh tự chẳng phải có Đàn na ba la mật. Trong Đàn na ba la mật chẳng phải có danh tự. Do nhơn duyên này nên Bồ Tát chỉ có giả danh.

Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy.

Như lục ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát cộng pháp, tam muội môn, đà la ni môn đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Do đây nên Bồ Tát chỉ có giả danh.

Lại này Ngài xá Lợi Phất ! Ngã rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Nhân đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Sắc đến thức rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Tứ niệm xứ đến bát cộng pháp rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Tam muội môn đến nhứt thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Thanh Văn đến Phật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Do nhơn duyên này nên nói rằng như ngã, danh tự ngã cũng rốt ráo chẳng sanh.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Vì các pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Những gì hòa hiệp sanh nên không tự tánh ?

Sắc hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Thọ, tưởng, hành, thức hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Tứ niệm xứ đến bát cộng pháp hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Tất cả pháp vô thường cũng không mất".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Những pháp nào vô thường cũng không mất?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc vô thường cũng không mất. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không mất .

Tại sao vậy ? Vì nếu pháp vô thường thời là tướng lay động, tướng rỗng không.

Do đây nên tất cả pháp hữu vi vô thường cũng không mất.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, là pháp vô thường cũng không mất.

Tại sao vậy ? Vì nếu pháp vô thường thời là tướng lay động, là tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp có tạo tác vô thường cũng không mất.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất ! Tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Những pháp nào chẳng phải thường, chẳng phải diệt ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy. Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy ? Vì tánh tự như vậy.

Do những nhơn duyên trên đây, nên các pháp hòa hiệp sanh không có tự tánh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do duyên có gì mà sắc đến thức rốt ráo chẳng sanh ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc đến thức chẳng phải pháp tạo tác. Vì tác giả bất khả đắc.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả bất khả đắc.

Tất cả pháp đều chẳng phải khởi, chẳng phải tác, vì tác giả bất khả đắc.

Do đây nên sắc đến thức rốt ráo bất sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc đến thức ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc tánh rỗng không. Rỗng không này không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có di. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cùng tất cả pháp hữu vi tánh rỗng

không. Rỗng không này không có sanh, diệt, trụ, dị.

Do đây nên rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Pháp rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật này chăng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Rốt ráo chẳng sanh chính là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chính là rốt ráo chẳng sanh. Bát nhã ba la mật cùng rốt ráo chẳng sanh không hai không khác. Do đây nên nói rằng rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật này chăng ?".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà rời lìa rốt ráo chẳng sanh thời không Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ? ".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy rốt ráo chẳng

sanh khác với Bồ Tát. Rốt ráo chẳng sanh với Bồ Tát không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sanh với sắc không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với thọ, tưởng, hành, thức, vì rốt ráo chẳng sanh với thọ, tưởng, hành, thức không hai, không khác. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Do đây nên là rốt ráo chẳng sanh không có Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : “Do nhơn duyên gì mà Bồ Tát nghe thuyết trên đây tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, thời gọi là Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật ?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói : “Đại Bồ Tát chẳng thấy các pháp có giác tri tướng. Đại Bồ Tát thấy tất cả các pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như ảo, như diệm, như hóa. Do đây nên nghe thuyết trên đây,

Bồ Tát tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật :
"Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán sát các pháp như vậy. Lũc ấy đại Bồ Tát chẳng lãnh thọ sắc, chẳng hiển thị sắc, chẳng an trụ sắc, chẳng chấp trước sắc, cũng chẳng nói là sắc. Với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Với nhân, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng trước, cũng chẳng nói là nhân đến ý.

Với Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Với nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đối với tứ niệm xứ đến bất cộng pháp nhãn đến nhưt thiết chủng trí, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn ! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc nhãn đến chẳng thấy nhưt thiết chủng trí.

Tại sao vậy ? Sắc chẳng sanh thời chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh thời chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Nhãn chẳng sanh thời chẳng phải nhãn. Nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý chẳng sanh thời chẳng phải nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh thời chẳng phải Đàn na ba la mật đến chẳng phải Bát nhã ba la mật.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh thời chẳng phải nội không đến chẳng phải vô pháp hữu pháp không.

Tại sao vậy ? Sắc chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Nhẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác.

Bạch đức Thế Tôn ! Tứ niệm xứ chẳng sanh thời chẳng phải tứ niệm xứ. Nhẫn đến bất cộng pháp chẳng sanh thời chẳng phải bất cộng pháp.

Pháp như, pháp tánh đến bất khả tư nghì tánh chẳng sanh thời chẳng phải pháp như đến chẳng phải bất khả tư nghì tánh. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng phải nhứt thiết chủng trí.

Tại sao vậy ? Tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Bất sanh đây chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên pháp ấy chẳng sanh thời chẳng phải pháp ấy.

Bạch đức Thế Tôn ! Sắc tướng chẳng diệt thời chẳng phải sắc.

Tại sao vậy ? Sắc và tướng chẳng diệt chẳng hai, chẳng khác. Vì pháp chẳng diệt này chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên sắc tướng chẳng diệt thì chẳng phải sắc.

Như sắc, thọ, tướng, hành, thức nhận đến bất cộng pháp cũng vậy.

Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị, thọ, tướng, hành, thức vào trong pháp số vô nhị, nhận đến nhưt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị".



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN THỨ TÁM

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM VÔ SANH

THỨ HAI MƯƠI SÁU

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp.

Những gì là Bồ Tát ? Những gì là Bát nhã ba la mật ? Những gì là quán ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phát đại tâm, người này gọi là Bồ Tát. Người này cũng biết tất cả pháp, tất cả tướng mà chẳng chấp trước, biết tướng của sắc nhãn đến biết tướng của bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Những gì là tất cả pháp tướng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nếu dùng danh tự, như duyên hòa hiệp v.v... để biết các pháp, đây là sắc, đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp, là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Dùng tướng danh tự ngữ ngôn để biết các pháp thời gọi là biết các pháp tướng.

Như lời Xá Lợi Phất hỏi, những gì là Bát nhã ba la mật ? Vì viễn ly nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Những pháp gì viễn ly ? Viễn ly âm giới nhập. Viễn ly ba la mật. Viễn ly không. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại viễn ly tứ niệm xứ đến viễn ly mười tám pháp bất cộng, viễn ly nhưt thiết trí. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật.

Những gì là quán ? Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng

phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã , chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát cộng pháp, tất cả môn tam muội đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; nhĩ đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải nhứt thiết chủng trí ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc sắc tướng rỗng không. Trong sắc không ấy không có sắc cũng không có sanh, nhĩ đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do

dây nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, nhãn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải nhứt thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhãn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải nhứt thiết chủng trí ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Có sắc là có chẳng hai, nhãn đến có nhứt thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả những pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối một tướng, tức là không có tướng. Do đây nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhãn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải nhứt thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc này vào trong pháp số vô nhị, nhãn đến nhứt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc. Sắc tức

là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp như vậy thời thấy sắc vô sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy. Nhẫn đến thấy Phật và Phật pháp vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Cứ theo nghĩa của Tu Bồ Đề nói mà tôi được nghe thời sắc là chẳng sanh, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh, nhẫn đến Phật và Phật pháp là chẳng sanh.

Nếu như vậy thời lẽ ra nay chẳng nên được Tu Đà Hoàn Tu Đà hoàn quả, Tư Đà Hàm Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm A Na Hàm quả, A La Hán A La Hán quả, Bích Chi Phật Bích Chi Phật đạo, chẳng nên được đại Bồ Tát nhứt thiết chủng trí, cũng không có lục đạo chúng sanh

sai khác, cũng chẳng nên được đại Bồ Tát năm thứ bồ đề.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu tất cả pháp là tướng chẳng sanh, có chi Tu Đà Hoàn tu đạo để để dứt ba kiết sử ? Tu Đà Hàm tu đạo để để làm mỏng tham, sân, si ? A Na Hàm tu đạo để để dứt năm hạ phần kiết sử ? A La Hán tu đạo để để dứt năm thượng phần kiết sử ? Bích Chi Phật vì pháp Bích Chi Phật mà tu đạo để ? Có chi đại Bồ Tát vì thọ khổ thay chúng sanh mà làm những việc khó làm ? Có chi Phật chứng Vô thượng Bồ đề ? Có chi Phật chuyển pháp luân ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi chẳng muốn cho pháp vô sanh có sở đắc. Tôi cũng chẳng muốn cho trong pháp vô sanh có được Tu Đà Hoàn và Tu Đà Hoàn quả, nhân đến có được Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo. Tôi cũng chẳng muốn trong pháp vô sanh có Bồ Tát làm việc khó làm để thay khổ cho chúng sanh,

Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo.

Tại sao vậy ? Vì nếu sanh tâm khó, tâm khổ thì chẳng thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất ! Nay đây Bồ Tát thương xót chúng sanh. Với chúng sanh, Bồ Tát tưởng như cha mẹ, anh em, con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ Tát có thể lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Bồ Tát nên sanh tâm như thế này : Như ngã bất khả đắc, nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, nội pháp, ngoại pháp cũng vậy, đều bất khả đắc. Nếu sanh tâm như trên đây thì Bồ Tát không có tâm khó, tâm khổ. Tại sao vậy ? Vì Bồ Tát nầy nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ.

Nầy Xá Lợi Phất ! Tôi cũng chẳng muốn cho trong vô sanh có Phật chứng Vô thượng Bồ đề, trong vô sanh có chuyển pháp luân, tôi cũng chẳng muốn dùng pháp vô sanh để đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Nay Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo hay là dùng pháp vô sanh đắc đạo ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi chẳng muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Vậy thời Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi cũng chẳng muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Như lời Tu Bồ Đề nói thời là vô tri, vô đắc".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Có tri, có đắc không phải hai pháp. Nay theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Theo danh tự thế gian nên có Tu Đà Hoàn đến có chư Phật.

Trong đệ nhứt nghĩa đế thời vô tri, vô đắc, cũng không Tu Đà Hoàn đến không chư Phật".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Nếu theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc, thời sáu

loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế.

Tại sao vậy ? Vì trong đệ nhứt nghĩa đế không có nghiệp, không có báo, không có sanh, không có diệt, không có tịnh, không có cấu".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Pháp chẳng sanh sanh chẳng ? Pháp sanh sanh chẳng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi chẳng muốn khiến pháp chẳng sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến pháp sanh sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Pháp chẳng sanh nào không muốn khiến sanh ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Sanh sanh hay chẳng sanh sanh ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh sanh.

Tại sao vậy ? Vì sanh và chẳng sanh là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng. Do đây nên chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải chẳng sanh sanh".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Tu Bồ Đề khéo thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tại sao vậy ? Vì những pháp vô sanh, tướng vô sanh và những lời thích nói đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Tu Bồ Đề thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, những lời thích nói này cũng chẳng sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Vì sắc chẳng sanh nhĩ đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh. Do đây nên tôi thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, lời thích nói này cũng chẳng sanh".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Trong những người thuyết pháp, Tu Bồ Đề đáng là người trên hết. Vì có hỏi điều chi, Tu Bồ Đề đều đáp được cả".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì các pháp không có sở y vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Thế nào là các pháp không có sở y ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Nhĩ đến nhứt thiết chủng trí tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Do đây nên tất cả pháp không chỗ y tựa, vì tánh thường không vậy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành sáu môn ba la mật phải tịnh sắc, thọ, tướng, hành, thức, nhãn đến phải tịnh nhứt thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Thế nào đại Bồ Tát lúc thật hành sáu môn ba la mật tịnh Bồ Tát đạo ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Có thế gian Đàn na ba la mật. Có xuất thế gian Đàn na ba la mật. Năm ba la mật kia cũng đều có thế gian và có xuất thế gian".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Thế nào là thế gian Đàn na ba la mật ? Thế nào là xuất thế gian Đàn na ba la mật ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nếu đại Bồ Tát làm thí chủ có thể bố thí cho Sa Môn, Bà La Môn và người nghèo cùng đi xin : cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho mặc, cần chỗ ở cho chỗ ở, cần tiền bạc, châu báu, hoa hương cho tiền bạc, châu báu, hoa hương, cần thuốc men cho thuốc men, tất cả thứ cần dùng đều cấp cho.

Lúc bố thí, Bồ Tát nghĩ rằng tôi cho họ nhận, tôi chẳng bỏn xẻn tham lam, tôi là thí chủ, tôi có thể thí xả tất cả, tôi y theo lời Phật dạy mà thật hành Đàn na ba la mật.

Bố thí xong, Bồ Tát dùng pháp đã được, cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề mà nghĩ rằng nhơn duyên bố thí này khiến chúng sanh được sự an lạc đời nay, về sau khiến họ được sự an lạc nhập Niết Bàn.

Nầy Xá Lợi Phất ! Bồ Tát nầy bố thí có ba điều chướng ngại : Một là ngã tướng, hai là tha tướng, ba là thí tướng. Vì bố thí mà có ba tướng nầy nên gọi là thế gian Đàn na ba la mật.

Tại sao gọi là thế gian ? Vì ở trong thế gian chẳng động dờn, chẳng siêu xuất vậy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Thế nào gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật ? Chính là ba phần thanh tịnh vậy.

Những gì là ba ? Lúc bố thí, đại Bồ Tát chẳng thấy có mình, chẳng thấy có

người nhận, chẳng thấy có vật bố thí, cũng chẳng trông mong báo đáp. Đây gọi là đại Bồ Tát ba phần thanh tịnh Đàn na ba la mật.

Lại lúc bố thí, đại Bồ Tát bố thí cho tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh, đem sự bố thí này hồi hướng Vô thượng Bồ đề nhân đến không thấy có pháp tướng vi tế.

Đây gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật.

Tại sao gọi là xuất thế gian ? Vì ở trong thế gian có thể động dờ, có thể siêu xuất vậy.

Năm môn ba la mật kia nếu có sở y thời gọi là thế gian, nếu không sở y thời gọi là xuất thế gian, ngoài ra như đã giải nói về Đàn na ba la mật.

Lúc thật hành sáu môn ba la mật, đại Bồ Tát tịnh Bồ Tát đạo như vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Thế nào là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tứ niệm xứ là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến bát thánh đạo phần, giải thoát môn, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tất cả tam muội môn và đà la ni môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, đây gọi là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề".

Ngài Xá Lợi Phất khen : "Lành thay, lành thay !

Này Tu Bồ Đề ! Gì là ba la mật lực

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Là Bát nhã ba la mật lực. Vì Bát nhã ba la mật hay sanh tất cả pháp lành của Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật.

Bát nhã ba la mật hay nạp thọ tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, hoặc pháp Bồ Tát và Phật pháp.

Này Xá Lợi Phất ! Quá khứ chư Phật thật hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng bồ đề. Vị lai chư Phật cũng thật hành Bát nhã ba la mật sẽ được Vô

thượng Bồ đề. Hiện tại nay, chư Phật trong các quốc độ mười phương cũng thật hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề.

Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghi ngờ, chẳng cho là khó, thời nên biết đại Bồ Tát này thật hành Bồ Tát đạo.

Người thật hành Bồ Tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, bởi vô sở đắc vậy.

Bồ Tát phải thường chẳng rời niệm này : chính là đại bi niệm".

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi : "Muốn khiến đại Bồ Tát thường chẳng rời niệm này : chính là đại bi niệm. Nếu đại Bồ Tát thường chẳng rời đại bi niệm, thời nay đây tất cả chúng sanh sẽ làm Bồ Tát. Vì tất cả chúng sanh cũng chẳng rời các niệm vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Lành thay, lành thay ! Xá Lợi Phất muốn chất vấn tôi mà trở thành nghĩa của tôi.

Tại sao vậy ? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không. Vì chúng sanh tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì chúng sanh pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì chúng sanh ly nên niệm cũng ly. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sanh bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri.

Này Ngài Xá Lợi Phất ! Vì sắc không có nên niệm cũng không. Vì sắc tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì sắc pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì sắc ly nên niệm cũng ly. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng như vậy.

Này Xá Lợi Phất ! Đại Bồ Tát thật hành Bồ Tát đạo, tôi muốn khiến chẳng rời niệm này : chính là đại bi niệm".

Bấy giờ đức Phật khen : "Lành thay, lành thay ! Đây chính là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Ai muốn nói thời phải nói như vậy.

Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật phải học như lời của Tu Bồ Đề nói".

Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Bát nhã ba la mật, cõi Đại Thiên chấn động sáu cách.

Bấy giờ đức Phật mỉm cười.

Ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi duyên do.

Đức Phật nói : "Nầy Tu Bồ Đề ! Như ta nói Bát nhã ba la mật tại quốc độ này, mười phương vô lượng vô số quốc độ, chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật như vậy".

Lúc đức Phật nói phẩm Bát nhã ba la mật, có mười hai na do tha Nhơn, Thiên được vô sanh pháp nhẫn.

Lúc mười phương chư Phật nói Bát nhã ba la mật cũng có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề".

PHẨM THIÊN VƯƠNG

THỨ HAI MƯƠI BẢY

Bấy giờ trong Đại Thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên Vương Thiên cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Chư vị Đao Lợi Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Dạ Ma Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Đâu Suất Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Hóa Lạc Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Tự Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Phạm Thiên Vương nhần đến Đại Tự Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Thân quang minh do nghiệp báo sanh của chư vị Tứ Vương Thiên nhần đến chư vị Đại Tự Tại Thiên so với thường quang của đức Phật không bằng một phần

muôn ức, ở bên Phật khác nào cột cháy năm sánh với đồng vàng diêm phù đàn.

Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên Vương cõi trời Đao Lợi bạch Ngài Tu Bồ Đề : "Chư vị Thiên Vương đây cùng hòa hiệp đều muốn nghe Đại Đức Tu Bồ Đề nói Bát nhã ba la mật.

Bạch Ngài Tu Bồ Đề ! Đại Bồ Tát nên an trụ trong Bát nhã ba la mật thế nào ? Những gì là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát ? Thế nào đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Này Kiều Thi Ca ! Tôi sẽ thừa thuận ý của đức Phật và nương thần lực của đức Phật mà nói Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát, như chỗ chư đại Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật.

Nay chư Thiên Tử nào chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thời nên phát tâm. Người nào nhập chánh vị Thanh Văn thời chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy ? Vì chướng cách với sanh tử vậy.

Người này nếu phát bồ đề tâm, tôi cũng tùy hỉ. Vì bậc thượng nhơn phải nên lại cầu thượng pháp. Tôi trọn không dứt tuyệt công đức của họ.

Này Kiều Thi Ca ! Gì là Bát nhã ba la mật ?

Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí để tư niệm sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Tư niệm sắc như bệnh, như mụn nhọt vỡ bể, như mũi tên ghim vào thân, làm cho đau đớn, suy hoại, lo sợ chẳng an, vì vô sở đắc vậy.

Tư niệm thọ, tưởng, hành, thức đến địa thủy, hỏa, phong không thức, sáu đại chủng cũng như vậy, vì đều vô sở đắc cả.

Bồ Tát lại quán sắc đến thức chủng là tịch diệt, là ly, là bất sanh, là bất diệt, là bất cấu, là bất tịnh, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí quán vô minh duyên ra các hành nhẫn đến lão tử nhơn duyên tụ tập những sự khổ lớn, vì cũng vô sở đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán vì vô minh diệt nên các hành diệt, nhân đến vì sanh diệt nên lão tử diệt. Vì lão tử diệt nên nhóm khổ lớn ưu bi khổ não cũng diệt, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí tu tứ niệm xứ, vì vô sở đắc vậy. Nhân đến tu mười tám pháp bất cộng, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí thật hành Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán như vậy : Chỉ có các pháp và các pháp làm nhơn duyên cho nhau mà có nhuận ích, tăng trưởng, phân biệt, so tính, trong đây không có ngã và ngã sở.

Tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm bồ đề chẳng ở trong hồi hướng.

Ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm hồi hướng bất khả đắc.

Ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc.

Đại Bồ Tát dầu quán tất cả pháp, nhưng cũng không có pháp khả đắc.

Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát".

Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Thế nào là tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, nhãn đến ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng Bồ đề chẳng phải tâm, là chẳng phải tâm tướng.

Trong chẳng phải tâm tướng chẳng hồi hướng được, chẳng phải tâm tướng nầy thường chẳng phải tâm tướng. Bất khả tư nghì tướng thường bất khả tư nghì tướng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát".

Đức Phật khen : "Lành thay, lành thay ! Tu Bồ Đề vì chư đại Bồ Tát mà nói Bát nhã ba la mật, an ổn tâm của đại Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật : "Thế Tôn ! Con phải báo ân.

Thuở quá khứ, chư Phật và các đệ tử vì hàng đại Bồ Tát nói sáu ba la mật, dạy bảo lợi ích vui mừng. Lúc ấy đức Thế Tôn cũng ở nơi đó học được Vô thượng Bồ đề.

Hôm nay con cũng phải vì hàng Bồ Tát nói sáu ba la mật, dạy bảo lợi ích vui mừng cho họ được Vô thượng Bồ đề."

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thích Đề Hoàn Nhon : "Nầy Kiều Thi Ca ! Nay Ngài nên nghe chỗ nên an trụ cùng chỗ chẳng nên an trụ trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát.

Nầy Kiều Thi Ca ! Sắc sắc rỗng không, đến thức thức rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Sắc không và Bồ Tát không này chẳng hai, chẳng khác, đến thức không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Này Kiều Thi Ca ! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát nên an trụ như vậy.

Lại nhãn nhãn rỗng không, đến ý ý rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Nhãn không nhãn đến Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Lục trần, sắc đến pháp, lục đại, địa đại đến thức đại thức đại rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Thức đại không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Vô minh vô minh rỗng không đến lão tử lão tử rỗng không. Vô minh diệt vô minh diệt rỗng không đến lão tử diệt lão tử diệt rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Vô minh không đến lão tử diệt không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Kiều Thi Ca ! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy.

Lại Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Nhứt thiết chủng trí không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Kiều Thi Ca ! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy.

Thế nào trong Bát nhã ba la mật chỗ chẳng nên an trụ ?

Nầy Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc vậy. Chẳng nên an trụ trong nhãn đến ý. Chẳng nên an trụ trong sắc đến pháp. Chẳng nên an trụ trong nhãn thức đến ý thức. Chẳng nên an trụ trong nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, vì có sở đắc vậy.

Chẳng nên an trụ trong Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí, vì có sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát đối với sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là lạc, là khổ, sắc là tịnh, sắc là bất tịnh, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là bất không, sắc là tịch diệt, sắc là chẳng tịch diệt, sắc là ly, sắc là chẳng ly, đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Như với sắc, với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Đại Bồ Tát đối với vô vi tướng và phước điền của quả Tu Đà Hoàn nhân đến của Phật đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Đại Bồ Tát ở trong sơ địa đến trong thập địa đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ở trong sơ phát tâm : Tôi phải đầy đủ sáu môn ba la mật, sẽ nhập Bồ Tát vị, sẽ ở bậc bất thối chuyển, có đủ năm thần thông, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Có đủ năm thần thông rồi tôi sẽ đến vô lượng vô số cõi Phật để lễ kính cúng

đường, nghe chư Phật thuyết pháp, nghe xong nói lại cho người khác. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Như quốc độ nghiêm tịnh của chư Phật, tôi cũng sẽ nghiêm tịnh quốc độ như vậy, sẽ thành tựu chúng sanh khiến họ nhập Phật đạo, sẽ đến chỗ của vô lượng vô số chư Phật để tán thán kính trọng cúng dường, sẽ làm cho vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tôi sẽ sanh ngũ nhãn, sẽ sanh tất cả tam muội, tất cả đà la ni, sẽ được thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, sẽ đầy đủ đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Đây là bát nhơn, là tín hành nhơn, là pháp hành nhơn, Tu Đà Hoàn tột bảy đời, Tu Đà Hoàn mạng chung sạch phiền

não, Tu Đà Hoàn trung gian nhập Niết Bàn, người này hướng Tư Đà Hàm quả chứng, Tư Đà Hàm nhứt lai nhập Niết bàn, người này hướng A Na Hàm quả chứng, A Na Hàm nơi kia nhập Niết Bàn, người này hướng A La Hán quả chứng, A La Hán đời nay nhập vô dư Niết Bàn, người này là Bích Chi Phật, trụ Bồ Tát địa, vượt hơn Thanh Văn, Bích Chi Phật, được đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí, đắc Vô thượng Bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, làm Phật sự độ vô lượng chúng sanh nhập Niết Bàn. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Được tứ như ý túc, trụ trong tam muội này sẽ trụ thọ số kiếp như số cát sông Hằng, sẽ được ba mươi hai tướng, mỗi mỗi tướng có trăm phước trang nghiêm, thế giới của ta như hằng sa thế giới mười phương, Đại Thiên thế giới của ta thuần kim cang, cây bồ đề của ta sẽ phát ra mùi thơm làm cho chúng sanh dứt sạch thân bệnh và tâm bệnh, chúng sanh

nghe mùi thơm này sẽ sạch tham, sân, si, cũng không có tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả sẽ được Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Sẽ khiến trong thế giới của tôi không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có danh tự tứ niệm xứ đến bát cộng pháp, cũng không danh tự Tu Đà Hoàn đến Phật. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tại sao vậy ? Vì chư Phật lúc đắc Vô thượng Bồ đề, tất cả pháp đều vô sở đắc vậy.

Này Kiều Thi Ca ! Thế nên ở trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng nay đây Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật thế nào ?".

Biết tâm niệm của Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy Xá Lợi Phất ! Cứ theo ý Ngài thời chư Phật an trụ chỗ nào ?".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Chư Phật không có chỗ trụ.

Chư Phật chẳng an trụ trong sắc, chẳng an trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi, chẳng an trụ trong tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng an trụ trong nhứt thiết chủng trí.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải an trụ như chư Phật an trụ. Nơi tất cả pháp chẳng phải an trụ chẳng phải chẳng an trụ.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải học như vậy, phải an trụ nơi pháp chẳng trụ",

Bấy giờ trong pháp hội có chư Thiên Tử nghĩ rằng lời nói câu chữ của hàng Dạ xoa còn có thể rõ biết được, Đại Đức Tu Bồ Đề luận nói, giải thích Bát nhã

ba la mật, chúng tôi trọn chẳng biết chi cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên hỏi rằng : "Các Ngài chẳng hiểu, chẳng biết ư ?".

Chư Thiên Tử nói : "Bạch Đại Đức ! Chúng tôi chẳng hiểu, chẳng biết".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng ra thời các Ngài phải nên chẳng biết, còn tôi thời không có luận nói, nhần đến tôi chẳng nói một chữ, cũng không có người nghe.

Tại sao vậy ? Vì những chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có thính giả.

Vô thượng bồ đề của chư Phật không có chữ, không có lời.

Nầy các Ngài ! Như đức Phật biến hóa làm hóa nhơn. Hóa nhơn nầy lại biến hóa bốn bộ chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Ở giữa bốn bộ chúng nầy, hóa nhơn thuyết pháp.

Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, có thính giả, có tri giả chăng ?".

Chư Thiên Tử nói : "Bạch Đại Đức ! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy các Ngài ! Tất cả pháp đều như biến hóa, trong đó không có thuyết giả, không có thính giả, cũng không có tri giả.

Nầy các Ngài ! Ví như có người chiêm bao thấy Phật thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, thính giả và tri giả chăng ?".

Chư Thiên Tử nói : "Bạch Đại Đức ! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy các Ngài ! Tất cả các pháp đều như chiêm bao, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Nầy các Ngài ! Ví như có hai người, mỗi người ở một bên bờ khe sâu lên tiếng ca ngợi Phật, Pháp và Tăng phát ra hai vang.

Ý các Ngài nghĩ thế nào, hai vang ấy có hiểu lẫn nhau chăng ?".

Chư Thiên Tử nói : "Bạch Đại Đức ! Không".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy các Ngài ! Tất cả pháp cũng như vang, không thuyết giả, không thính giả, không tri giả.

Nầy các Ngài ! Như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng rồi thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có người nói, người nghe, người biết không ?".

Chư Thiên Tử nói : "Bạch Đại Đức ! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy các Ngài ! Tất cả pháp như ảo huyền, trong đó không có thuyết giả, thính giả, cũng không có tri giả".

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề giải nói muốn cho dễ hiểu mà trở lại càng thâm, càng diệu.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên nói rằng : "Này các Ngài ! Sắc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Sắc tánh đến thức tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Nhân tánh đến ý tánh, sắc tánh đến pháp tánh, nhân giới tánh đến ý thức giới tánh, nhân xúc đến ý xúc, nhân xúc, nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni, nhứt thiết chủng trí và nhứt thiết chủng trí tânch đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu".

Chư Thiên Tử nghĩ rằng trong thuyết pháp ấy chẳng nói sắc đến chẳng nói nhứt thiết chủng trí, chẳng nói Tu Đà Hoàn quả đến A La Hán quả, chẳng nói

Bích Chi Phật đạo, chẳng nói Vô thượng Bồ đề đạo, trong những pháp ấy chẳng nói danh tự ngữ ngôn .

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên nói rằng : "Này các Ngài ! Đúng như vậy, trong pháp ấy, Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có tướng nói được, trong ấy không có thuyết giả, không có thính giả, không có tri giả.

Này các Ngài ! Do đây nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn, người muốn an trụ Tu Đà Hoàn quả, muốn y chứng Tu Đà Hoàn quả, người này chẳng rời lìa trí nhãn trên đây. Người muốn an trụ, muốn chứng Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, người này chẳng rời lìa trí nhãn trên đây.

Này các Ngài ! Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, ở trong Bát nhã ba la mật, phải an trụ như vậy. Vì không có nói, không có nghe vậy".



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN THỨ CHÍN

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM ẢO NHƠN THỈNH PHÁP

THỨ HAI MƯƠI TÁM

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng nên dùng những người nào để nghe Đại Đức Tu Bồ Đề thuyết pháp ?

Biết tâm niệm của chư Thiên Tử, Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nầy các Ngài ! Như người ảo hóa nghe pháp, tôi phải dùng người như vậy. Vì người như vậy không có nghe, không có biết, không có chứng".

Chư Thiên Tử hỏi : "Bạch Đại Đức ! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo chẳng ? Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa chẳng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Nầy các Ngài ! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo. Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa.

Nầy các Ngài ! Ngã như ảo, như mộng, chúng sanh đến tri giả, kiến giả cũng như ảo, như mộng.

Sắc đến thức, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn thức đến ý thức, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng như ảo, như mộng.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp cũng đều như ảo, như mộng.

Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo cũng như ảo, như mộng".

Chư Thiên Tử hỏi : "Đại Đức nói Phật đạo như ảo, như mộng. Niết Bàn, Đại Đức cũng nói như ảo, như mộng chẳng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Tôi nói Phật đạo như ảo, như mộng. Tôi nói Niết Bàn cũng như ảo, như mộng. Nếu còn có pháp nào hơn Niết Bàn tôi nói cũng như ảo, như mộng. Tại sao vậy ? Vì ảo mộng và Niết Bàn không hai, không khác".

Bấy giờ các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma Ha Ca Diếp và vô số Bồ Tát hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Bát nhã ba la mật như vậy rất là sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu. Ai sẽ là người lãnh thọ được ?".

Ngài A Nan nói với chư đại đệ tử và chư Bồ Tát : "Chư đại Bồ Tát bất thối chuyển có thể lãnh thọ Bát nhã ba la mật rất sâu, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu này.

Những người thành tựu chánh kiến, những bậc lậu tận A La Hán, sở nguyện đã mãn cũng có thể tin thọ.

Lại những thiện nam tử, thiện nữ nhơn đã thấy nhiều Phật, ở chỗ chư Phật đã nhiều cúng dường trông căn lành, thường gần thiện tri thức, có căn tánh lành lợi, những người này có thể lãnh thọ, chẳng nói là phải hay chẳng phải".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Chẳng dùng không để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt không, chẳng dùng vô tướng, vô tác để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô tướng, vô tác, chẳng dùng vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy, Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Chẳng dùng không đến ly để phân biệt nhứt thiết chủng trí, chẳng dùng nhứt thiết chủng trí để phân biệt không".

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với chư Thiên Tử : "Bát nhã ba la mật rất sâu này ai có thể lãnh thọ ư ?

Nầy các Ngài ! Trong Bát nhã ba la mật nầy không có pháp chỉ bày được, không có pháp nói luận được.

Nếu đã không có pháp chỉ được, không có pháp nói được, thời người lãnh thọ cũng là bất khả đắc".

Ngài Xá Lợi Phất nói với Ngài Tu Bồ Đề : "Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp nhiếp thủ Bồ Tát, từ bậc sơ phát ý đến bậc thập địa, từ Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sanh chẳng mất thần thông, đầy đủ thiện căn đi đến các cõi Phật, muốn có phẩm vật để cúng dường thời liền được như nguyện. Ở chỗ chư Phật nghe lãnh giáo pháp mãi đến nhứt thiết trí không đoạn tuyệt, chưa từng rời chánh định, sẽ được biện tài mau chóng, biện tài lanh lẹ, biện tài bất tận, biện tài bất đoạn, biện tài đúng cơ

biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Như lời Xá Lợi Phất nói, Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp hộ trì Bồ Tát, nhân đến đại Bồ Tát được tối thượng biện tài của tất cả thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Ngã nhân đến tri giả, kiến giả bất khả đắc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến nhưt thiết chủng trí bất khả đắc".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa vì bất khả đắc ?

Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát vì bất khả đắc ?

Nhơn duyên gì đại Bồ Tát được biện tài mau lẹ đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian vì bất khả đắc ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì nội không nên Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc vậy.

Vì nội không nên hộ trì Bồ Tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc vậy".



PHẨM TÁN HOA

THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên Vương trong Đại Thiên thế giới nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề vì chúng ta mà ban pháp vũ. Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp để rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng, Đại Đức Tu Bồ Đề và Bát nhã ba la mật.

Liền đó chư Thiên Vương hóa hiện hoa đẹp rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng cùng Đại Đức Tu Bồ Đề và cũng cúng dường Bát nhã ba la mật. Khắp Đại Thiên thế giới lúc bấy giờ đầy những hoa trong không gian. Những hoa này hóa thành những hoa dài đoan nghiêm vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng những hoa trên hư không do chư Thiên Tử rải, từ nào chưa từng thấy. Đây là hóa hoa,

chẳng phải hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh, chẳng phải từ cây sanh.

Biết tâm niệm của Ngài Tu Bồ Đề, Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nói : "Bạch Đại Đức ! Hoa này chẳng phải sanh, hoa cũng chẳng từ tâm thọ sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Này Kiều Thi Ca ! Ngài nói hoa này chẳng phải sanh, hoa cũng chẳng phải từ tâm thọ sanh. Hoa này nếu chẳng phải là sanh pháp thời chẳng gọi là hoa".

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nói : "Bạch Đại Đức ! Chỉ có hoa này là chẳng sanh, hay là sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Này Kiều Thi Ca ! Chẳng phải chỉ có hoa này là chẳng sanh, mà sắc cũng chẳng sanh. Nếu đã chẳng sanh thời chẳng gọi là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Như ngũ ấm, lục nhập, lục thức, lục xúc và lục xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tứ niệm xứ đến bát cộng pháp chẳng sanh, nhứt thiết chủng trí cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí".

Thiên Đế nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Đức Phật biết tâm niệm của Thiên Đế nên nói rằng : "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca ! Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng."

Thiên Đế thưa : "Bạch Thế Tôn ! Đại Đức Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng như thế nào ?".

Đức Phật nói : "Sắc chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy ? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.

Như ngũ âm, lục nhập đến lục xúc, nhơn duyên, sanh thọ, Đàn na ba la mật đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo, nhứt thiết trí đến nhứt thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn đến Phật, tất cả chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy ? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.

Nầy Kiều Thi Ca ! Đúng như vậy, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng".

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế :
"Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca ! Như
lời đức Phật nói, các pháp chỉ là giả
danh.

Đại Bồ Tát phải biết các pháp chỉ là
giả danh như vậy. Phải học Bát nhã ba
la mật như vậy.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học
sắc, chẳng học thọ, tướng, hành, thức.

Tại sao vậy ? Vì chẳng thấy có sắc để
học, cũng chẳng thấy có thọ, tướng, hành,
thức để học.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học
Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy ? Vì chẳng thấy có Đàn na
ba la mật đến Bát nhã ba la mật để học.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học
nội không đến vô pháp hữu pháp không,
là chẳng học tứ niệm xứ đến mười tám
pháp bất cộng.

Tại sao vậy ? Vì chẳng thấy có nội
không đến pháp bất cộng để học.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học Tu Đà Hoàn quả đến nhưt thiết chủng trí.

Tại sao vậy ? Vì chẳng thấy có quả Tu Đà Hoàn đến nhưt thiết chủng trí để học".

Thiên Đế hỏi : "Bạch Đại Đức ! Do nhơn duyên gì mà chẳng thấy sắc đến chẳng thấy thấy nhưt thiết chủng trí ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc sắc không nhãn đến nhưt thiết chủng trí nhưt thiết chủng trí không.

Nầy Kiều Thi Ca ! Sắc không chẳng học sắc không nhãn đến nhưt thiết chủng trí không chẳng học nhưt thiết chủng trí không.

Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu chẳng học không như vậy thời gọi là học không, vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ Tát nầy học sắc không nhãn đến học nhưt thiết chủng trí không, vì chẳng hai vậy.

Nếu học sắc không vì chẳng hai, nhãn đến học nhưt thiết chủng trí không vì

chẳng hai, đại Bồ Tát này có thể học Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật vì chẳng hai vậy. Có thể học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng vì chẳng hai vậy. Có thể học quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết chủng trí vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ Tát này có thể học vô lượng vô biên a tăng kỳ pháp.

Nếu có thể học vô lượng vô biên vô số pháp, thời đại Bồ Tát này chẳng vì sắc tăng mà học, chẳng vì sắc giảm mà học. Nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì nhứt thiết chủng trí giảm mà học.

Nếu chẳng vì sắc tăng giảm mà học, nhẫn đến nếu chẳng vì nhứt thiết chủng trí tăng giảm mà học, thời đại Bồ Tát này chẳng vì sắc thọ mà học, cũng chẳng vì sắc diệt mà học. Nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí thọ và diệt mà học".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Học như vậy, đại Bồ Tát này chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà

học. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đại Bồ Tát nếu học như vậy thời chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Do nhơn duyên gì mà đại Bồ Tát chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Sắc này chẳng thọ được cũng không có ai thọ sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng thọ được cũng không ai thọ, vì nội ngoại rỗng không vậy.

Vì chẳng thọ tất cả pháp nên đại Bồ Tát có thể đến nhứt thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến nhứt thiết chủng trí chăng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến

nhứt thiết chủng trí, vì chẳng thọ tất cả pháp vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi : "Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thọ, chẳng diệt mà học, thời làm sao đến được nhứt thiết chủng trí ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Tại sao vậy ? Vì sắc sắc tánh rỗng không vậy.

Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy thọ, chẳng thấy chẳng thọ, chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy tăng, chẳng thấy giảm. Tại sao vậy ? Vì nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí tánh rỗng không vậy.

Đại Bồ Tát vì tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng xả, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng hiệp,

chẳng tan, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đến nhưэт thiết chủng trí. Vì không chỗ học, không chỗ đến vậy".

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Xá Lợi Phất : "Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu tại chỗ nào ?".

Ngài Xá Lợi Phất nói : "Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề".

Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề : "Có phải thần lực của Đại Đức khiến Xá Lợi Phất nói đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề chẳng ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Chẳng phải thần lực của tôi".

Thiên Đế hỏi : "Thần lực của ai vậy ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đó là thần lực của đức Phật".

Thiên Đế nói : "Tất cả pháp đều không thọ xứ. Tại sao vậy ? Nói là thần lực của đức Phật, rồi tướng không thọ xứ

thời Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca ! Rời tướng không thọ xứ thời Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc. Trong tướng không thọ xứ, Như Lai bất khả đắc. Trong pháp như, Như Lai bất khả đắc.

Trong sắc như, Như Lai như bất khả đắc. Trong Như Lai như, sắc như bất khả đắc.

Trong sắc pháp tướng, Như Lai pháp tướng bất khả đắc. Trong Như Lai pháp tướng, sắc pháp tướng bất khả đắc. Nhân đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Nầy Kiều Thi Ca ! Như Lai trong sắc như chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tướng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan.

Như Lai rời sắc như chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai rời thọ, tướng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan.

Nhấn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Như Lai trong sắc pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tướng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan.

Như Lai rời sắc pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai rời thọ, tướng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan.

Nhấn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Nầy Kiều Thi Ca ! Trong tất cả pháp chẳng hiệp, chẳng tan là thần lực của Như Lai, vì dùng pháp vô sở thọ vậy.

Như lời Kiều Thi Ca nói, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở chỗ nào ?

Nầy Kiều Thi Ca ! Chẳng nên ở trong sắc hay rời ngoài sắc mà cầu Bát nhã ba la mật. Chẳng nên ở trong thọ, tướng, hành, thức hay rời ngoài thọ, tướng, hành, thức mà cầu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy ? Bát nhã ba la mật này và sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đôi, một tướng duy nhứt tức là vô tướng.

Nhẫn đến chẳng nên ở trong nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật, cũng chẳng nên rời ngoài nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy ? Bát nhã ba la mật đây và nhứt thiết chủng trí, tất cả pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đôi, một tướng duy nhứt tức là vô tướng.

Tại sao vậy ? Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải rời ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí.

Bát nhà ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải rời ngoài sắc như. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí như,

cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải rời ngoài sắc pháp. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí pháp, cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí pháp.

Tại sao vậy ? Nầy Kiều Thi Ca ! Tất cả pháp nầy đều vô sở hữu bất khả đắc.

Vì vô sở hữu bất khả đắc, nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc cũng chẳng phải rời sắc, nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí. Chẳng phải sắc như cũng chẳng phải rời sắc như, nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí như cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí như. Chẳng phải sắc pháp cũng chẳng phải rời sắc pháp, nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí pháp cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí pháp".

Thiên Đế nói : "Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Chư Tu Đà Hoàn và quả Tu Đà Hoàn nhận đến chư A La Hán và quả A La Hán, chư Bích Chi Phật và đạo Bích Chi Phật, chư đại Bồ Tát đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành.

Có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh phật độ, chúng Vô thượng Bồ đề đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Đúng như vậy. Đây Kiều Thi Ca ! Ma ha ba la mật này là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Cũng từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành quả Tu Đà Hoàn đến thành Vô thượng Bồ đề.

Này Kiều Thi Ca ! Vì sắc rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn.

Tại sao vậy ?

Sắc tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc.

Thọ, tướng, hành, thức rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn, vì thọ, tướng, hành, thức, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc.

Nhẫn đến nhưt thiết chủng trí cũng như vậy.

Do nhưn duyên này nên Ma ha ba la mật này là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca ! Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sắc lượng bất khả đắc vậy.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy sắc lượng bất khả đắc.

Hư không vô lượng nên sắc vô lượng. Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Nhẫn đến vì nhưt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Tại sao vậy ? Vì nhưt thiết chủng trí lượng bất khả đắc.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy nhưt thiết chủng trí lượng bất khả đắc.

Hư không vô lượng nên nhưt thiết chủng trí cũng vô lượng.

Nhưt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật cũng vô lượng.

Do nhưn duyên này nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô lượng,

Này Kiều Thi Ca ! Sắc vô biên nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô biên.

Tại sao vậy ? Sắc, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc.

Nhẫn đến nhưt thiết chủng trí vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên. Vì nhưt thiết chủng trí, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc vậy.

Do nhưn duyên này nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Lại này Kiều Thi Ca ! Vì duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi : "Thế nào duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi : "Thế nào duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì duyên vô biên pháp tánh nên Bát nhã ba la mật vô biên .

Lại này Kiều Thi Ca ! Vì duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi : "Thế nào duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên ?

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Vì pháp như vô biên nên duyên cũng vô biên. Vì duyên vô biên nên pháp như cũng vô biên".

Do nhưn duyên này nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật cũng vô biên .

Lại này Kiều Thi Ca ! Vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi : "Thế nào chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên ?".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Này Kiều Thi Ca ! Theo ý Ngài thời những pháp gì gọi là chúng sanh ?".

Thiên Đế nói : "Không có pháp gì gọi là chúng sanh. Vì giả danh nên gọi là chúng sanh.

Danh tự ấy vốn không có pháp cũng không có chỗ đến. Chỉ gượng đặt tên thôi".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Ý Ngài nghĩ thế nào. Trong Bát nhã ba la mật này nói chúng sanh có thiệt chăng ?".

Thiên Đế nói : "Không có thiệt".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói thiệt có, thời chúng sanh vô biên cũng bất khả đắc.

Này Kiều Thi Ca ! Ý Ngài nghĩ thế nào ? Chư Phật trong hằng sa kiếp nói chúng sanh và danh tự chúng sanh. Và

có pháp chúng sanh có sanh, có diệt chẳng ?".

Thiên Đế nói : "Không có. Vì bốn lai chúng sanh thường thanh tịnh vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói : "Này Kiều Thi Ca ! Do nhơn duyên này, vì chúng sanh vô biên nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên".



PHẨM TAM THÁN

THỨ BA MƯƠI

Bấy giờ chư Thiên Vương và chư Thiên, chư Phạm Vương và chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên và chư Thiên Nữ đồng thời ba phen ca ngợi rằng : Hay thay ! Hay thay ! Pháp của Đại Đức Tu Bồ Đề tuyên thuyết đều do ân lực nhơn duyên của đức Phật xuất thế ban bố giáo pháp này.

Nếu có đại Bồ Tát nào thật hành Bát nhã ba la mật này mà chẳng xa rời, thời chúng tôi xem vị đó như đức Phật.

Tại sao vậy ? Vì trong Bát nhã ba la mật này dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến nhứt thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa, tức là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử ! Như lời của các Ngài nói : Trong Bát nhã ba la mật nầy dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến nhứt thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa : Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Nầy chư Thiên Tử ! Nếu có đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nầy mà chẳng xa rời thời nên xem như đức Phật, vì vô sở đắc vậy.

Tại sao vậy ?

Trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa : Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa. Trong Đàn na ba la mật, Phật bất khả đắc. Rời Đàn na ba la mật, Phật cũng bất khả đắc.

Nhấn đến trong nhứt thiết chủng trí, Phật bất khả đắc. Rời nhứt thiết chủng trí, Phật cũng bất khả đắc.

Nầy chư Thiên Tử ! Đại Bồ Tát nếu có thể học tất cả pháp nầy, từ Đàn na

ba la mật đến nhứt thiết chủng trí vì có sự trên đây nên xem vị ấy như đức Phật.

Nầy chư Thiên Tử ! Thuở xưa, thời kỳ Phật Nhiên Đăng, nơi đầu ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta được thấy Phật và nghe pháp, liền chẳng rời công hạnh Đàn na ba la mật nhẫn đến chẳng rời công hạnh Bát nhã ba la mật; chẳng rời nội không đến vô pháp hữu pháp không; chẳng rời tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần; chẳng rời tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định; chẳng rời tất cả tam muội môn, tất cả đà la ni môn; chẳng rời tứ vô sở úy, thập lực, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp; chẳng rời đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác, vì vô sở đắc vậy.

Bấy giờ đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, qua khỏi một a tăng kỳ kiếp vị lai, sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,

**Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự
Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế
Tôn".**

**Chư Thiên Tử thưa : "Bạch đức Thế
Tôn ! Rất là hi hữu, Bát nhã ba la mật
này có thể làm cho chư đại Bồ Tát được
nhứt thiết trí, vì nơi sắc đến nhứt thiết
chủng trí chẳng thủ, chẳng xả vậy".**

**Bấy giờ đức Phật nhìn khắp hội
chúng : chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu
Bà Tắc, Ưu Bà Di, chư đại Bồ Tát, chư
Thiên Vương, chư Phạm Vương và chư
Thiên Tử, Thiên Nữ.**

**Nhìn khắp hội chúng xong, đức Phật
nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn :
"Này Kiều Thi Ca ! Hoặc đại Bồ Tát,
hoặc hàng tứ chúng, hoặc chư Thiên
Tử, Thiên Nữ, nếu ai nghe, thọ trì, đọc
 tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức
niệm Bát nhã ba la mật này, chẳng rời
tâm nhứt thiết trí, thời các loài ma
chẳng phá hoại được.**

Tại sao vậy ? Vì thiện nam, thiện nữ này biết rõ chắc chắc không nhẫn đến nhưt thiết chủng trí không. Không chẳng thể phá hoại không, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tác chẳng thể phá hoại vô tác.

Tại sao vậy ? Vì các pháp này tự tánh, tự tướng bất khả đắc nên không có sự gì phá hoại được thời đâu có ai chịu lấy nào hại !

Lại này Kiều Thi Ca ! Thiện nam và thiện nữ này, hàng Nhơn, Phi Nhơn không thể hại được.

Tại sao vậy ? Vì thiện nam và thiện nữ này, ở trong tất cả chúng sanh khéo tu tâm từ bi hỉ xả, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Thiện nam và thiện nữ này trọn không bị hoạnh tử.

Tại sao vậy ? Vì thiện nam và thiện nữ này thật hành Đàn na ba la mật, với tất cả chúng sanh đều dùng tâm bình đẳng mà cung cấp vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca ! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên Vương, chư Phạm Vương và chư Thiên Tử, chư Thiên Nữ, có ai phát tâm Vô thượng Bồ đề mà chưa nghe Bát nhã ba la mật nầy và chưa thọ trì, thân cận, thời vị Trời ấy nay đây phải nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí.

Lại nầy Kiều Thi Ca ! Các thiện nam và thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, thời hoặc ở nhà vắng, hoặc ở núi rừng, hoặc ở chỗ đông người trợn không có sự kinh sợ.

Tại sao vậy ? Vì các thiện nam và thiện nữ nầy biết rõ nội không, biết rõ ngoại không, nhãn đến biết rõ vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc vậy".

Chư Thiên Tử thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Các thiện nam và thiện nữ có thể thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận,

đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, thời chư Thiên chúng tôi phải thường thủ hộ người đó.

Tại sao vậy ? Bạch đức Thế Tôn ! Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên dứt được ba ác đạo, dứt được sự nghèo cùng của Trời, Người, dứt được những tai hoạn, tật bệnh, đói khát.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có mười nghiệp đạo lành xuất hiện thế gian, và cũng xuất hiện tứ thiên đến nhứt thiết chủng trí.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên thế gian bèn có những nhà đại tộc, những dòng tôn quý và Chuyển Luân Thánh Vương cùng chư Thiên từ Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có quả xuất thế Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật đạo.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ mà có chư Phật xuất hiện thế gian, mà

có chuyển pháp luân, mà biết có Phật bửu, Pháp bửu và Tỳ Kheo Tăng bửu.

Bạch đức Thế Tôn ! Do nhơn duyên trên đây nên tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thủ hộ đại Bồ Tát này".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy ! Đây chư Thiên Tử ! Do đại Bồ Tát nhơn duyên mà dứt ba ác đạo nhân đến có Tam Bửu xuất hiện thế gian. Vì thế nên chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát này.

Này chư Thiên Tử ! Cúng dường kính trọng đại Bồ Tát này thời là cúng dường đức Phật.

Này chư Thiên Tử ! Ví như trong cõi Đại Thiên, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đông nhiều như rừng rậm, lúa mè, tre lau, có thiện nam, thiện nữ cúng dường kính trọng khắp tất cả cũng không bằng phước đức cúng dường

kính trọng bậc đại Bồ Tát sơ phát tâm chẳng rời sáu ba la mật.

Tại sao vậy ? Vì chẳng do nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật nhơn duyên nên có đại Bồ Tát và chư Phật xuất thế. Mà do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có Thanh Văn và Bích Chi Phật cùng chư Phật xuất hiện thế gian.

Vì thế nên, nầy Kiều Thi Ca ! Tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát này".



PHẨM DIỆT TRÁNH

THỨ BA MƯƠI MỐT

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa :
"Bạch đức Thế Tôn ! Rất lạ lòng hi hữu, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật ! Nếu ai được nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm được công đức trong hiện đời như vậy, cũng thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, muốn có đồ cúng dường liền tùy ý liền được, theo chư Phật nghe pháp đến được Vô thượng Bồ đề trọn không giữa chừng quên sót. Đại Bồ Tát này cũng được gia thành tựu, mẫu thành tựu, sanh thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng thành tựu, quang minh thành tựu, nhân thành tựu, nhĩ thành tựu, tam muội thành tựu, đà la ni thành tựu.

Đại Bồ Tát này dùng phương tiện lực biến thân như Phật, đến các quốc độ không Phật để tán dương lực ba la mật, tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp, dùng sức phương tiện mà thuyết pháp, dùng pháp Tam thừa để độ thoát chúng sanh, chính là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn ! Rất hi hữu ! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, cũng là tổng nhiếp quả Tu Đà Hoàn đến Phật đạo và nhứt thiết chủng trí".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca ! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí.

Lại này Kiều Thi Ca ! Thiện nam thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này hiện đời được công đức, nên nhứt tâm nghe kỹ".

Thiên Đế thừa : "Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi kính xin thọ giáo".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu có các ngoại đạo phạm chí, hoặc ma vương ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn muốn chống trái, phá hoại tâm Bát nhã ba la mật của Bồ Tát, những kẻ ấy vừa sanh lòng ác thời liền diệt mất, trọn chẳng được theo ý muốn.

Tại sao vậy ? Vì đại Bồ Tát thường thật hành sáu ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi tham tránh nên đại Bồ Tát xả tất cả những nội vật, ngoại vật để an lập chúng sanh trong Đàn na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi phá giới nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Giới ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi đấu tránh nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Nhẫn nhục ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi giải đãi nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Tinh tấn ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi loạn tâm nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Thiền na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi ngu si nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Bát nhã ba la mật.

Do chúng sanh mãi mãi vì ái kiết mà luân chuyển sanh tử, nên đại Bồ Tát này dùng sức phương tiện dứt ái kiết của chúng sanh, để an lập chúng sanh nơi tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến Phật đạo.

Trên đây là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại.

Công đức đời sau được Vô thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân, đầy đủ hạnh nguyện, nhập vô dư Niết Bàn.

Lại này Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thời chỗ của người này ở, các hàng ngoại đạo, ma vương, ma dân, kẻ tăng thượng mạn muốn khinh hủy, vẩn nạn, phá hoại Bát nhã ba la mật trọn chẳng thành được. Ác tâm của người này lần giảm diệt mà công đức lần thêm lớn. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật này nên lần lần do đạo Tam thừa dặng hết những sự khổ.

Này Kiều Thi Ca ! Ví như có vị thuốc tên ma kỳ. Có rắn đói đi kiếm ăn thấy mùi muốn mổ ăn, con mèo chạy đến chỗ vị thuốc ma kỳ. Do sức của hơi thuốc nên rắn không dám tiến lại mà phải trở lui. Vì sức thuốc có thể thắng sức độc vậy.

Này Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ này nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, nếu có những sự đấu tránh muốn đến phá hoại, do oai lực của Bát

nhã ba la mật, ác sự liền mau tiêu diệt, người này liền sanh thiện tâm, thêm nhiều công đức.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật này có thể diệt những sự dẫu tránh.

Những gì là sự dẫu tránh ? Chính là tham, sân, si, vô minh dẫn đến những cái, kiết, sử, triền, nhóm khổ lớn, ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến, xan tham, phạm giới, sân khuể, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng, chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức, chấp Đàn na ba la mật dẫn đến chấp nhứt thiết chủng trí, chấp Niết Bàn, những sự dẫu tránh này đều có thể tiêu diệt không cho tăng trưởng.

Lại này Kiều Thi Ca ! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên thường thủ hộ thiện nam, thiện nữ nào có thể nghe, thọ trì Bát nhã ba la mật, cúng dường người đọc

tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật.

Hiện tại chư Phật mười phương cũng đồng ủng hộ thiện nam, thiện nữ này.

Các thiện nam, thiện nữ này dứt pháp ác, thêm lớn pháp lành, như là Đàn na ba la mật cùng tăng đến nhứt thiết chủng trí, càng tăng vì vô sở đắc vậy. Các thiện nam, thiện nữ này có lời nói ra đều được người tín thọ, hàng thân hữu bền chặt. Thiện nam, thiện nữ này không nói lời vô ích, chẳng bị sân khuể che đậy, chẳng bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che đậy. Người này tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh. Người này tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng trộm cắp, tán thán pháp chẳng trộm cắp, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng trộm cắp. Người này tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng tà dâm, tán thán pháp chẳng tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người

chẳng tà dâm. Người này tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng vọng ngữ, tán thán pháp chẳng vọng ngữ, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng vọng ngữ. Nơi chẳng lường thiệt, chẳng ác khẩu và chẳng vô ích ngữ cũng như vậy.

Người này tự mình chẳng tham, dạy người chẳng tham, tán thán pháp chẳng tham, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tham. Nơi chẳng sân nảo và chẳng tà kiến cũng như vậy.

Người này tự thật hành Đàn na ba la mật, dạy người thật hành Đàn na ba la mật, tán thán pháp Đàn na ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người thật hành Đàn na ba la mật. Nhẫn đến tự được nhứt thiết chủng trí, dạy người được nhứt thiết chủng trí, tán thán pháp nhứt thiết chủng trí, cũng hoan hỷ tán thán người được nhứt thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát này lúc thật hành sáu ba la mật, có bố thí bao nhiêu đều

cùng chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô sở đắc vậy.

Lúc thật hành lục ba la mật như vậy, thiện nam, thiện nữ nầy nghĩ rằng nếu không bố thí, tôi sẽ sanh nhà bần cùng, chẳng có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cũng chẳng có thể được nhứt thiết chủng trí.

Nếu không giữ giới, tôi sẽ sanh trong ba ác đạo, còn chẳng được nhơn thân huống là có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Vô thượng Bồ đề.

Nếu không tu nhẫn nhục, thân tôi sẽ hủy hoại các căn, sắc lực sẽ không đầy đủ, chẳng thể được sắc thân toàn vẹn của Bồ Tát mà chúng sanh ngó thấy ắt thêm lớn căn lành mãi đến Vô thượng Bồ đề, cũng không thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí.

Nếu giải đãi, tôi chẳng thể được Bồ Tát đạo thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí.

Nếu loạn tâm, tôi sẽ chẳng sanh được các thiền định, cũng chẳng thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được như thiết chủng trí.

Nếu tôi vô trí, không được phương tiện trí thời không thể vượt hơn bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được như thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát này lại nghĩ rằng tôi chẳng nên vì tùy xan tham mà chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật, chẳng nên vì tùy phạm giới mà chẳng đầy đủ Thi la ba la mật, chẳng nên vì tùy sân khuê mà chẳng đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, chẳng nên vì tùy giải đãi mà chẳng đầy đủ Tinh tấn ba la mật, chẳng nên vì tùy loạn ý mà chẳng đầy đủ Thiền na ba la mật, chẳng nên vì tùy si tâm mà chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Nếu chẳng đầy đủ sáu ba la mật, thời tôi trọn chẳng thể thành tựu như thiết chủng trí.

Thiện nam, thiện nữ nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng rời tâm nhứt thiết trí, được những công đức đời nầy và đời sau".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Hi hữu thay, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật, vì hồi hướng tâm nhứt thiết trí, cũng vì chẳng cao tâm".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Thế nào là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vì hồi hướng tâm nhứt thiết trí, cũng vì chẳng cao tâm ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nếu thật hành thế gian Đàn na ba la mật bố thí cho chư Phật, Bích Chi Phật, Thanh Văn và người nghèo cùng khốn khổ, vì không phương tiện lực nên sanh cao tâm.

Nếu thật hành thế gian Thi la ba la mật, nghĩ rằng tôi thật hành trì giới, tôi có thể đầy đủ Giới ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Nhẫn đến thật hành thế gian Bát nhã ba la mật, nghĩ rằng tôi thật hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát lúc tu thế gian tứ niệm xứ, tự nghĩ rằng tôi tu tứ niệm xứ, tôi đầy đủ tứ niệm xứ, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng đến nhứt thiết chủng trí, nghĩ rằng tôi tu pháp bất cộng, tôi sẽ thành tựu chúng sanh, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí. Vì còn có ngô ngã không phương tiện nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thật hành thế gian thiện pháp như vậy, vì thấy có ngô ngã nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu đại Bồ Tát thật hành xuất thế gian Đàn na ba la mật chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bố thí. Thật hành xuất thế gian Đàn na ba la

mật như vậy vì hồi hướng nhưt thiết chủng trí cũng chẳng sanh cao tâm.

Thật hành Thi la ba la mật, Thi la ba la mật bất khả đắc.

Thật hành Nhẫn nhục ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật bất khả đắc.

Thật hành Tinh tấn ba la mật, Tinh tấn ba la mật bất khả đắc.

Thật hành Thiên na ba la mật, Thiên na ba la mật bất khả đắc.

Thật hành Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc.

Tu tứ niệm xứ, tứ niệm xứ bất khả đắc.

Nhẫn đến tu nhưt thiết chủng trí, nhưt thiết chủng trí bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật như vậy, vì hồi hướng nhưt thiết chủng trí, vì chẳng sanh cao tâm".



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN THỨ MƯỜI

Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM BŨU PHÁP ĐẠI MINH

THỨ BA MƯƠI HAI

Đức Phật nói với Thiên Đế : "Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, lúc lâm trận, do tụng Bát nhã ba la mật nên vào trong quân trận trọn chẳng mất mạng, dao tên không hại. Tại sao vậy ? Thiện nam, thiện nữ này mãi mãi thật hành sáu ba la mật, tự trừ dao tên dâm dục của mình, cũng trừ dao tên dâm dục của người khác, tự trừ dao tên sân khuể của mình, cũng trừ dao tên sân khuể của

người khác, tự trừ dao tên ngu si của mình, cũng trừ dao tên ngu si của người khác, tự trừ dao tên tà kiến, cũng trừ dao tên tà kiến của người, tự trừ dao tên triền cấu, cũng trừ dao tên triền cấu của người, tự trừ dao tên kiết sử, cũng trừ dao tên kiết sử của người.

Nầy Kiều Thi Ca ! Do nhơn duyên nầy nên thiện nam, thiện nữ nầy chẳng bị dao tên làm hại.

Lại nầy Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, tất cả những độc, những ác như thuốc độc, cổ độc, hăm lửa, nước sâu, dao chém đều không làm hại được.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật nầy là đại minh chú, là vô thượng chú.

Nếu thiện nam, thiện nữ học đại minh chú nầy thời chẳng tự nào hại lấy thân mình, cũng chẳng nào hại người khác, cũng chẳng nào hại cả mình và người.

Tại sao vậy ? Vì thiện nam, thiện nữ này chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sanh, nhần đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc. Chẳng thấy có sắc, nhần đến chẳng thấy có nhứt thiết chủng trí.

Vì chẳng thấy có, nên chẳng tự não hại thân mình, chẳng não hại người khác, cũng chẳng não hại cả mình lẫn người.

Vì học đại minh chú này nên được Vô thượng Bồ đề, quán tâm của tất cả chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp.

Tại sao vậy ? Vì quá khứ chư Phật học đại minh chú này đã được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật học đại minh chú này sẽ được vô thượng Bồ đề, hiện tại chư Phật học đại minh chú này được Vô thượng Bồ đề.

Lại này Kiều Thi Ca ! Nếu có người chỉ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật này mà thờ nơi nhà, chớ không thọ trì, không đọc tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, tất cả hàng Nhơn, Phi Nhơn không thể phá hại chỗ đó được.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật này được tất cả chư Thiên Vương, chư Phạm Vương cùng chư Thiên trong Đại Thiên thế giới và trong vô số vô lượng thế giới mười phương đồng thủ hộ.

Chỗ thờ Bát nhã ba la mật này, chư Thiên đều đến cúng dường, kính trọng, tán thán, lễ lạy rồi đi.

Chỉ có biên chép Bát nhã ba la mật để thờ tại nhà, mà thiện nam, thiện nữ ấy còn được công đức hiện đời như vậy.

Ví như hoặc có người hoặc có súc vật đến dưới cây bồ đề, thời hàng Nhơn, Phi Nhơn mang ác ý đến không làm hại được.

Tại sao vậy ? Vì chỗ cây bồ đề này là nơi mà quá khứ chư Phật được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật và hiện tại chư Phật cũng ở nơi đó được Vô thượng Bồ đề. Khi được thành Phật rồi, đều bố thí sự không kinh sợ cho tất cả chúng sanh, làm cho vô lượng vô số chúng sanh được phước lạc trong Người trên Trời, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sanh được

quả Tu Đà Hoàn đến quả Vô thượng Bồ Đề.

Do oai lực của Bát nhã ba la mật, nên chỗ ấy được sự cung kính, lễ bái, cúng dường".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép cúng dường Bát nhã ba la mật, hoặc có thiện nam, thiện nữ sau khi đức Phật nhập diệt xây tháp cúng dường Xá lợi, hai người này ai được phước nhiều ?".

Đức Phật nói : "Này Kiều Thi Ca ! Ta hỏi lại Ngài, tùy ý Ngài đáp.

Do học đạo gì mà Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo này ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch Thế Tôn ! Do học trong Bát nhã ba la mật mà đức Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo doan nghiêm".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy ! Này Kiều Thi Ca ! Đức Phật từ trong Bát nhã ba la mật mà học được nhưt thiết chủng trí.

Nầy Kiều Thi Ca ! Chẳng phải do thân tướng hảo mà gọi là Phật. Chính là do được nhứt thiết chủng trí nên gọi là Phật.

Nầy Kiều Thi Ca ! Nhứt thiết chủng trí của Phật sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca ! Thân của Phật đây là chỗ sở y của nhứt thiết chủng trí. Nhon nơi thân nầy mà Phật được nhứt thiết chủng trí. Nên nghĩ rằng thân của đức Phật đây là chỗ sở y của nhứt thiết chủng trí. Vì thế nên sau khi Phật nhập Niết Bàn, Xá lợi sẽ được cúng dường.

Lại nầy Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thời tức là cúng dường nhứt thiết chủng trí.

Do có nầy nên thiện nam, thiện nữ nên biên chép Bát nhã ba la mật nầy, rồi hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, kính trọng, cúng dường, tán thán.

Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ xây tháp cúng dường Xá lợi, kính lễ, tán thán.

Lại có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật này và kính trọng, cúng dường, tán thán, thời được phước rất nhiều.

Tại sao vậy ? Vì trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh nội không đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, xuất sanh tất cả tam muội, tất cả thiền định, tất cả đà la ni. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật này. Bồ Tát, thành tựu tất cả công hạnh cũng từ trong Bát nhã ba la mật này. Tất cả phước quả của loài Người cùng cõi Trời đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều từ Bát nhã ba la mật này sanh. Những Thánh quả từ Tu Đà Hoàn đến chư Phật và nhứt thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Người Diêm Phù Đề chẳng cúng dường, kính trọng, tán thán Bát nhã ba la mật, phải chăng vì họ chẳng biết cúng dường thời được nhiều lợi ích ?".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Trong Diêm Phù Đề, đối với Phật, Pháp và Tăng có bao nhiêu người có lòng tin bất hoại ? Có bao nhiêu người không nghi ? Có bao nhiêu người quyết liễu ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đối với Phật, Pháp và Tăng, trong Diêm Phù Đề ít người có lòng tin bất hoại, cũng ít người không nghi và quyết liễu".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Trong Diêm Phù Đề, có bao nhiêu người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín thứ đệ định, bốn trí vô ngại, sâu thần thông ?

Trong Diêm Phù Đề có bao nhiêu người dứt ba kiết sử, được đạo Tu Đà Hoàn ? Bao nhiêu người dứt ba kiết sử cũng mỏng tham, sân, si, được đạo Tư Đà

Hàm ? Bao nhiêu người dứt năm hạ phần kiết, được đạo A Na Hàm ? Bao nhiêu người dứt năm thượng phần kiết, được đạo A La Hán ? Bao nhiêu người cầu đạo Bích Chi Phật ? Bao nhiêu người phát tâm Vô thượng Bồ đề ?".

Thiên Đế thưa : "Trong Diêm Phù Đề, ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhần đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca ! Trong Diêm Phù Đề ít người đôi với Phật, Pháp, Tăng có lòng tin bất hoại, không nghi và quyết liễu. Cũng ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhần đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Trong những người phát tâm nầy lại ít người thật hành Bồ Tát hạnh.

Tại sao vậy ? Vì những chúng sanh trong Diêm Phù Đề, đời trước của họ chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tỳ Kheo Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhần nhục, chẳng

ting tấn, chẳng thiên định, chẳng trí huệ, chẳng nghe nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe, chẳng tu tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng nghe, chẳng tu những môn tam muội, những môn đà la ni, cũng chẳng tu nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí.

Do có trên đây nên ít chúng sanh tin bất hoại nơi Tam Bảo, nhãn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Trong những người phát tâm lại ít người thật hành Bồ Tát đạo.

Trong những người thật hành Bồ Tát đạo lại ít người được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca ! Ta dùng Phật nhãn thấy trong những thế giới phương Đông có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ đề, thật hành Bồ Tát đạo, nhưng vì xa lìa sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên có rất ít người được an trụ bậc bất thối chuyển, còn phần nhiều thời sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Trong chín phương kia cũng như vậy.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề phải nghe Bát nhã ba la mật và phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm. Xong rồi lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường Bát nhã ba la mật.

Những thiện pháp khác vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến cúng dường. Những gì là thiện pháp khác ? Chính là Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, những tam muội môn, đà la ni môn, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, đại từ đại bi.

Vô lượng thiện pháp như vậy đều vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm và tán thán, cúng dường.

Thiện nam, thiện nữ phải nghĩ rằng lúc làm Bồ Tát, đức Phật học và thật hành Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp như vậy. Chúng tôi cũng phải tùy học như vậy.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp là chỗ tôn quý của tôi, là pháp ấn của chư Phật, cũng là pháp ấn của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chư Phật do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí mà được đến bỉ ngạn.

Chư Bích Chi Phật và Thanh Văn cũng do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết trí mà được đến bỉ ngạn.

Nầy Kiều Thi Ca ! Thế nên thiện nam, thiện nữ, lúc Phật còn tại thế hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, phải y chỉ Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, nhẫn đến phải y chỉ nhứt thiết chủng trí.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật và tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la đều đáng y chỉ nơi đó.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu thiện nam, thiện nữ, vì cúng dường Phật mà xây tháp bảy báu cao một do tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc côi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Nầy Kiều Thi Ca ! Do nhơn duyên này, thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng ?".

Thiên Đế nói : "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều, rất nhiều !".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn không bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này và biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm tất bà nhã, cùng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường.

Nầy Kiều Thi Ca ! Chẳng luận một tháp bảy báu. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, vì cúng dường Phật nên thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu khắp Diêm Phù Đề cũng đều cao một do tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc

côi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy rất nhiều".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nhẫn đến cúng dường, kính trọng, tán thán.

Nầy Kiều Thi Ca ! Chẳng luận xây tháp khắp một Diêm Phù Đề. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp bốn châu thiên hạ.

Thiện nam, thiện nữ nầy được phước nhiều chăng ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca ! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Tiểu Thiên thế giới. Thiện nam, thiện nữ này được phước nhiều chẳng ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca ! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp Tiểu Thiên thế giới.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Trung Thiên thế giới. Thiện nam, thiện nữ này được phước nhiều chẳng ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca ! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Trung Thiên thế giới.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Đại Thiên thế giới, rồi cúng dường trọn đời. Thiện nam, thiện nữ này được phước nhiều chăng ?".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều, rất nhiều".

Đức Phật nói : "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật này, rồi thọ trì, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường.

Nầy Kiều Thi Ca ! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Đại Thiên thế giới.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, vì cúng dường Phật nên mỗi mỗi chúng sanh trong Đại Thiên thế giới đều xây tháp bảy báu và đều cúng dường trọn đời, vẫn

chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, và cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường".

Thích Đề Hoàn Nhơn thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đúng như vậy. Nếu có ai cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật này, thời là cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Bạch đức Thế Tôn ! Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, nếu mỗi mỗi chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương, vì cúng dường đức Phật nên xây tháp bảy báu cao một do tuần, rồi cúng dường bửu tháp hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Bạch đức Thế Tôn ! Những người cúng dường như vậy, có được phước nhiều chăng ?".

Đức Phật nói : "Rất nhiều".

Thiên Đế thưa : "Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật

này nhấn đến chánh ức niệm, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường, thời được phước lại nhiều lớn hơn. Tại sao vậy ? Vì tất cả pháp lành đều nhập vào trong Bát nhã ba la mật. Như là những pháp lành thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tứ đế, sáu thần thông, tám bội xả, chín thứ đệ định, sáu ba la mật, mười tám không, những tam muội môn, những đà la ni môn, mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn ! Đây gọi là pháp ấn của tất cả chư Phật. Trong pháp này, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật và tam thế chư Phật do học pháp này mà được đến bỉ ngạn".



PHẨM THUẬT THÀNH

THỨ BA MƯƠI BA

Bấy giờ đức Phật bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn : "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca ! Các thiện nam, thiện nữ ấy biên chép Bát nhã ba la mật này, và học tập, thọ trì, đọc tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức niệm, lại thêm dùng hoa hương, chuỗi ngọc, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, sẽ được vô số vô lượng bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng vô biên phước đức.

Tại sao vậy ?

Vì nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì Thiên na ba la mật đến Đàn na ba la mật của chư Bồ Tát đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng và ngũ nhãn của Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí, tất cả Phật pháp, Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Nầy Kiều Thi Ca ! Thế nên phước đức biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật nầy hơn phước đức cúng dường bửu tháp trước kia, trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần, nhần đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được.

Tại sao vậy ?

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ Kheo Tăng bảo trọn chẳng đoạn tuyệt.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô

lượng tâm, tứ vô sắc định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, nhứt thiết chủng trí đều hiện ra nơi đời.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời có những đại tộc, trưởng giả, cư sĩ, trời Tứ Thiên Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, đạo Bồ Tát, đạo Phật vô thượng, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ".



PHẨM KHUYẾN TRÌ

THỨ BA MƯƠI BỐN

Bấy giờ cả Đại Thiên thế giới có bao nhiêu hàng Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên rằng : "Các Ngài phải thọ, phải trì, phải thân cận, phải đọc tụng, phải giảng thuyết, phải chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này.

Tại sao vậy ?

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thời tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ. Hàng Thiên chúng thêm đông, hàng A tu la giảm bớt.

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thời Phật chủng chẳng dứt, Pháp chủng chẳng dứt, Tăng chủng chẳng dứt.

Vì Phật chúng, Pháp chúng và Tăng chúng chẳng dứt, nên có lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng xuất hiện nơi đời, nên có quả Tu Đà Hoàn đến quả Phật xuất hiện nơi đời".

Đức Phật bảo Thiên Đế : "Này Kiều Thi Ca ! Ngài nên thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này.

Tại sao vậy ?

Nếu A tu la sanh tâm muốn chiến đấu với chư Thiên cõi Đao Lợi, Ngài nên tụng niệm Bát nhã ba la mật, tâm ác của A tu la liền tiêu diệt, chẳng còn muốn đấu chiến.

Nếu có Thiên Tử hay Thiên Nữ hiện năm tướng chết và sẽ sa vào loài chẳng vừa ý, Ngài nên ở trước mặt họ mà đọc tụng Bát nhã ba la mật. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật, các Thiên Tử, Thiên Nữ ấy tăng trưởng công đức nên được sanh trở lại bốn xứ. Vì nghe Bát nhã ba la mật thời được lợi ích lớn.

Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay là Thiên Tử, Thiên Nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy, vì được công đức nên lần lần sẽ được Vô thượng Chánh giác.

Tại sao vậy ?

Vì quá khứ chư Phật và hàng đệ tử đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn.

Vị lai và hiện tại chư Phật cùng hàng đệ tử cũng đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn.

Nầy Kiều Thi Ca ! Bát nhã ba la mật nầy nhiếp tất cả pháp lành như là pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát và Phật pháp".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú.

Tại sao vậy ?

Vì Bát nhã ba la mật này hay trừ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả pháp thiện".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy. Đây Kiều Thi Ca ! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú.

Tại sao vậy ?

Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đều nhơn minh chú này mà được Vô thượng Bồ đề.

Nhơn minh chú này nên thế gian có mười nghiệp đạo lành, có tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, có Đàn na ba la mật đến pháp bất cộng, có pháp tánh, pháp như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thiết tế, có ngũ nhãn, quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca ! Do nơi đại Bồ Tát nên thế gian xuất hiện thập thiện, tứ thiên nhãn đến nhứt thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn nhãn đến Phật.

Ví như trăng tròn chiếu sáng, các tinh tú cũng có thể chiếu sáng.

Tất cả thiện pháp đến nhưt thiết chủng trí tại thế gian, nếu thời kỳ không có Phật xuất thế, thời đều phát sanh từ chư Bồ Tát.

Phương tiện lực của đại Bồ Tát này đều sanh từ Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát dùng phương tiện lực này để thật hành Đàn na ba la mật đến Thiên na ba la mật, để thật hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, để thật hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, chẳng chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, có thể thành tựu thọ mạng, thành tựu quốc độ, thành tựu quyền thuộc Bồ Tát, được nhưt thiết chủng trí. Tất cả như thế đều từ Bát nhã ba la mật phát sanh. Lại này Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, thân cận nhận đến chánh ức

niệm thời sẽ được thành tựu công đức đời này, đời sau".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì nhĩ đến chánh ức niệm Bát nhĩ ba la mật được công đức đời hiện tại như thế nào ?".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhĩ ba la mật nhĩ đến chánh ức niệm thời trọn chẳng bị trúng độc mà chết, đao thương chẳng hại được, nước lửa cũng chẳng chìm đốt được, nhĩ đến bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh chẳng xâm được, trừ nghiệp báo đời trước của người ấy.

Nếu có quan sự phát khởi, thiện nam, thiện nữ nầy đến trước mặt quan không ai khiển trách được. Tại sao vậy ? Vì oai lực của Bát nhĩ ba la mật vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát nhĩ ba la mật đến trước mặt vua chúa, đại thần, thời vua chúa, đại thần đều hoan hỷ đón tiếp, chuyện trò niềm nở. Tại sao vậy ? Vì thiện nam, thiện nữ nầy

thường có tâm từ bi hỉ xả đối với chúng sanh vậy.

Nầy Kiều Thi Ca ! Đó là thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại.

Những gì là công đức ở đời vị lai ?

Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời trọn chẳng rời thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ không định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng: Người nầy trọn chẳng sa vào ba ác đạo. Thân mạng hoàn cụ. Trọn chẳng sanh vào nhà nghèo hèn hạ tiện. Thường được ba mươi hai tướng. Thường được hóa sanh trong nước hiện có Phật. Trọn chẳng rời lìa Bồ Tát thần thông. Nếu muốn từ một Phật quốc đến một Phật quốc để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp thời được như ý. Những nước đã được đến, người nầy đều có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, lần lần được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca ! Đó là công đức ở đời sau.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, dùng hoa hương, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, thường chẳng rời tâm nhứt thiết trí. Thiện nam, thiện nữ nầy được thành tựu công đức đời nầy, đời sau hẳn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".



PHẨM KHIỂN TRỪ MA NGOẠI

THỨ BA MƯƠI LĂM

Bấy giờ chư ngoại đạo phạm chí muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật.

Thiên Đế nghĩ rằng như ngoại đạo phạm chí này muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật, tôi nên tụng niệm Bát nhã ba la mật của đức Phật vừa giáo thọ, tất chư ngoại đạo phạm chí này trọn không thể làm trở ngại công việc giảng thuyết Bát nhã ba la mật.

Nghĩ xong, Thiên Đế liền tụng Bát nhã ba la mật.

Lúc đó chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về.

Ngài Xá Lợi Phất tâm niệm có chi mà chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về ?

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất : "Vì Thích Đề Hoàn Nhơn tụng niệm Bát nhã ba la mật, nên chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về.

Này Xá Lợi Phất ! Ta chẳng thấy chư ngoại đạo phạm chí ấy có chút thiện tâm, họ mang ác ý đến muốn tìm chỗ sở đoản của đức Phật.

Này Xá Lợi Phất ! Lúc thuyết Bát nhã ba la mật, ta chẳng thấy tất cả thế gian hoặc chư Thiên, chư Ma, chư Phạm, hoặc trong chúng Sa Môn, trong chúng Bà La Môn, có ai mang ác ý mà có thể đến phá hoại được.

Tại sao vậy ? Vì trong Đại Thiên quốc độ này, chư Tứ Thiên Vương đến Đại Tự Tại Thiên, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ Tát và chư Phật đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật này.

Tại sao vậy ? Vì chư Thiên đến chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất ! Trong hằng sa quốc độ mười phương, chư Thiên đến chư Phật cũng đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy ? Vì chư Thiên đến chư Phật mười phương cũng đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ có ác ma nghĩ rằng nay đây Phật cùng tứ chúng hội họp với chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, trong đó tất có bậc đại Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Ta phải đến đó để phá hoại đạo tâm của họ.

Nghĩ xong, ác ma liền hóa hiện bốn bộ binh kéo đến chỗ đức Phật.

Thiên Đế biết là không phải binh chủng của vua Tần Bà La hay vua Ba Tư Nặc, cũng không phải của dòng Thích Ca và dòng Lê Xa. Đây tất là binh của ác ma hóa hiện. Ác ma này mãi tìm dịp hại chúng sanh, ta phải tụng niệm Bát nhã ba la mật.

Thiên Đế liền tụng niệm Bát nhã ba la mật.

Ác ma nghe tiếng tụng niệm, lần lần tan rã trở về.

Chư Thiên cỡi Tứ Vương đến cỡi Sắc Cứu Cánh ở cỡi này và hàng sa cỡi ở mười phương đồng hóa hiện những thiên hoa từ trên không rải trên đức Phật và đồng xưng rằng cầu nguyện Bát nhã ba la mật ở lâu nơi Diêm Phù Đề.

Tại sao vậy ? Vì người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật thời Bát nhã ba la mật được trụ nơi thế gian. Tùy thời gian Bát nhã ba la mật an trụ, thời ở Diêm Phù Đề Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng an trụ chẳng diệt. Cũng phân biệt biết rõ đạo đại Bồ Tát.

Và lại chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển Bát nhã ba la mật, thời chỗ đó tất chói sáng, rời xa sự tối tăm".

Đức Phật bảo Thiên Đế và tất cả chư Thiên : "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca và chư Thiên Tử ! Người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật, theo thời gian mà sự thọ trì này còn tồn tại, thời cũng

là thời gian mà Tam Bảo tồn tại. Nhẫn đến chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thời chỗ ấy tất chói sáng, rời xa sự tối tăm".

Chư Thiên Tử hóa hiện thiên hoa rải trên đức Phật mà thưa rằng : "Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thời ma chúa, ma dân không làm hại được.

Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi cũng phải ủng hộ những người này, vì chúng tôi xem những người này như đức Phật hoặc kế đức Phật".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, phải biết những người này đời trước đã làm công đức nhiều ở chỗ đức Phật, đã thân cận cúng dường chư Phật, được bậc thiện tri thức hộ niệm.

Bạch đức Thế Tôn ! Nhứt thiết trí của chư Phật phải tìm cầu trong Bát nhã ba

la mật. Bát nhã ba la mật cũng phải tìm cầu trong nhưt thiết trí.

Tại sao vậy ? Vì Bát nhã ba la mật chẳng khác nhưt thiết trí. Nhưt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng nhưt thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Do đây nên hàng chư Thiên chúng tôi xem những người này như đức Phật hoặc kế đức Phật".

Đức Phật nói : "Đúng như vậy ! Này Kiều Thi Ca ! Nhưt thiết trí của chư Phật tức là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là nhưt thiết trí.

Tại sao vậy ? Này Kiều Thi Ca ! Nhưt thiết trí của chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng khác nhưt thiết trí. Nhưt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng nhưt thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác".



PHẨM TÔN ĐẠO

THỨ BA MƯƠI SÁU

Ngài A Nan thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Có sao chẳng ca ngợi Đàn na ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, mà chỉ ca ngợi Bát nhã ba la mật ?".

Đức Phật nói : "Đối với năm môn ba la mật đến mười tám pháp bất cộng thời Bát nhã ba la mật là tôn đạo của tất cả.

Này A Nan ! Bồ thí mà chẳng hồi hướng nhưt thiết trí thời có được gọi là Đàn na ba la mật chẳng ? Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ mà chẳng hồi hướng nhưt thiết trí thời có được gọi là Thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng ?".

Ngài A Nan thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Không".

Đức Phật nói : "Do đó mà biết rằng Bát nhã ba la mật là tôn đạo đối với năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, nên phải ca ngợi".

Ngài A Nan thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là bố thí đến trí huệ hồi hướng nhưt thiết trí được thành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật ?".

Đức Phật nói : "Dùng bố thí không có hai pháp mà hồi hướng nhưt thiết trí, thời gọi là Đàn na ba la mật, vì bất sanh, bất khả đắc nên bố thí, hồi hướng nhưt thiết trí thời gọi là Đàn na ba la mật.

Nhẫn đến dùng trí huệ không có hai pháp hồi hướng nhưt thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật, vì bất sanh bất khả đắc nên trí huệ hồi hướng nhưt thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật".

Ngài A Nan thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào dùng pháp không hai mà bố thí nhẫn đến dùng pháp không hai mà trí huệ hồi hướng nhưt thiết trí, thời gọi là

Đàn na ba la mật đến gọi là Bát nhã ba la mật ?".

Đức Phật nói : "Này A Nan ! Vì sắc không hai pháp, vì thọ, tưởng, hành, thức không hai pháp, nhãn đến vì Vô thượng Bồ đề không hai pháp vậy.

Tại sao vậy ?

Vì sắc sắc tướng rỗng không. Đàn na ba la mật và sắc không hai, không khác, nhãn đến Vô thượng Bồ đề và Đàn na ba la mật không hai, không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy.

Vì thế nên, này A Nan ! Chỉ ca ngợi Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến nhưt thiết chủng trí.

Này A Nan ! Ví như mặt đất, đem hột giống rải lên trên, đủ nhưn duyên hòa hiệp bèn mọc lên. Các hột giống ấy nương nơi đất mà mọc lên.

Cũng vậy, năm ba la mật nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Tứ niệm xứ đến nhưt thiết chủng trí đều nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Thế nên Bát nhã ba

la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Đức Phật nói chưa hết công đức của người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy ? Vì người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời thọ lấy đạo Vô thượng của tam thế chư Phật. Vì muốn được nhứt thiết trí phải tìm cầu trong Bát nhã ba la mật. Muốn được Bát nhã ba la mật phải tìm cầu trong nhứt thiết trí.

Bạch đức Thế Tôn ! Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian xuất hiện thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định nhĩ đến mười tám pháp bất cộng.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có những danh nhơn vọng tộc, trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, đại Bồ Tát.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà có chư Phật, Thế Tôn xuất hiện thế gian".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, ta chẳng nói họ chỉ được gần ấy công đức.

Nầy Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm nhứt thiết trí thời thành tựu vô lượng giới phẩm, thành tựu vô lượng định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm. Phải biết người nầy như Phật.

Tất cả giới phẩm, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật đối với người nầy không bằng

một phần trăm ngàn muôn ức, nhần đến toán số thí dụ đều không bằng.

Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường, cung kính, tôn trọng cũng được công đức trong đời này và đời sau".

Thiên Đế thưa : "Bạch đức Thế Tôn ! Tôi phải thường thủ hộ những thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm nhứt thiết trí, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát nhã ba la mật".

Đức Phật nói : "Nầy Kiều Thi Ca ! Lúc thiện nam, thiện nữ muốn đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật, thời vô lượng trăm ngàn chư Thiên đều đến nghe pháp.

Thiện nam, thiện nữ giảng thuyết pháp Bát nhã ba la mật, thời chư Thiên giúp thêm đóm lực cho những người ấy.

Các pháp sư ấy nếu mỗi một, nhờ chư Thiên giúp thêm đóm lực nên lại có thể giảng thuyết nữa.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức hiện đời này.

Lại này Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ ấy ở giữa bốn bộ chúng, lúc giảng thuyết Bát nhã ba la mật, lòng không khiếp nhược. Lúc bị luận nạn cũng không sợ sệt. Tại sao vậy ? Vì thiện nam và thiện nữ ấy được sự hộ trì của Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian hay xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát hay Phật pháp.

Vì thiện nam, thiện nữ ấy an trụ trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có ai chướng nạn được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy người bị luận nạn, cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật.

Thiện nam, thiện nữ ấy được Bát nhã ba la mật ủng hộ, nên không ai nạn hoại được.

Lúc thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, thiện nam, thiện nữ ấy chẳng mất, chẳng kinh, chẳng sợ.

Tại sao vậy ? Vì thiện nam, thiện nữ ấy chẳng thấy có pháp mất, chẳng thấy có pháp kinh sợ.

Nầy Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dường Bát nhã ba la mật, lại được công đức đời hiện tại nầy.

Lại nầy Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, biên chép, cúng dường quyển kinh Bát nhã ba la mật, người nầy được cha mẹ yêu thương, thân tộc, bè bạn kính mến, được Sa Môn, Bà La Môn kính nể, được chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư Bích Chi Phật, chư A La Hán đến chư Tu Đà Hoàn ái kính, tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, A tu la cũng ái kính người nầy.

Người này thật hành Đàn na ba la mật, Đàn na ba la mật không lúc nào đoạn tuyệt. Thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không lúc nào đoạn tuyệt.

Người này tu nội không chẳng dứt, đến tu vô pháp hữu pháp không chẳng dứt, tu tứ niệm xứ đến bất cộng pháp chẳng dứt, tu các môn tam muội chẳng dứt, tu các môn đà la ni chẳng dứt, tu những Bồ Tát thần thông chẳng dứt, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ chẳng dứt, nhẫn đến tu nhứt thiết chủng trí chẳng dứt. Người này cũng có thể hàng phục kẻ luận nạn hủy báng.

Này Kiều Thi Ca ! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến cùng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức đời này, đời sau như vậy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Tại chỗ ở của thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh, chư Thiên cõi trời Tứ Vương, Đạo

Lợi nhần đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, toàn thể chư Thiên trong cõi Đại Thiên này và trong thế giới mười phương, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều đến chỗ ấy để ra mắt quyền Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Ngoài ra những hàng Thiên, Long, Bát bộ trong cõi này và trong những thế giới mười phương cũng đều đến chỗ ấy để ra mắt quyền Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Thiện nam, thiện nữ này nghĩ rằng chư Thiên cùng Bát bộ thần trong cõi này và trong những thế giới mười phương đều đến ra mắt quyền Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ bái, như thế thời tôi đã ban bố pháp thí rồi.

Này Kiều Thi Ca ! Chư Thiên trong cõi Đại Thiên cùng chư Thiên trong những thế giới mười phương, từ trời Tứ Vương

đến trời Sắc Cứu Cánh, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều ủng hộ các thiện nam, thiện nữ này, làm cho những kẻ ác, những việc ác không xâm hại được. Ngoại trừ đời trước của người ấy có trọng tội.

Này Kiều Thi Ca ! Các thiện nam, thiện nữ này cũng được công đức đời hiện tại, Những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều đến chỗ ở của người này.

Tại sao vậy ? Vì những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều muốn cứu hộ tất cả chúng sanh, chẳng bỏ tất cả chúng sanh, muốn an lạc tất cả chúng sanh vậy”.

Thiên Đế thưa : “Bạch đức Thế Tôn ! Các thiện nam, thiện nữ này làm sao biết được chư Thiên trong thế giới đây cùng chư Thiên trong những thế giới ở mười phương đều ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy ?”.

Đức Phật nói : “Này Kiều Thi Ca ! Nếu các thiện nam, thiện nữ thấy quang minh thanh tịnh lớn, thời biết chắc là lúc có

chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy.

Lạy nếu các thiện nam, thiện nữ nghe mùi hương lạ vi diệu, cũng biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy.

Lại này Kiều Thi Ca ! Vì các thiện nam, thiện nữ công hạnh tịnh khiết, nên chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, hoan hỉ lễ lạy.

Trong chỗ đó nếu có hàng tiểu quỉ liên tức thời đi ra, vì họ chẳng kham nổi oai đức lớn của chư Thiên.

Do hàng Đại Đức chư Thiên đến, nên thiện nam, thiện nữ này phát đại tâm. Vì thế nên chỗ nào có Bát nhã ba la mật, thời bốn phía phải sạch sẽ. Phải thắp đèn, đốt hương thơm, rải những hoa đẹp, dầu thơm rưới đất, nghiêm sức với những bảo cái, tràng phan.

Lúc thuyết pháp, các thiện nam, thiện nữ nầy trọn không mỏi mệt, tự cảm thấy thân thể thư thối, tâm thần an vui. Đúng pháp nằm nghỉ, an ổn không ác mộng. Trong giấc mơ thấy Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo. Chúng Tỳ Kheo cung kính vây quanh. Đức Phật vì chư Tăng mà thuyết pháp.

Các thiện nam, thiện nữ nầy nghe và lãnh thọ pháp giáo. Những là lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bát cộng. Cũng phân biệt nghĩa của lục Ba la mật đến nghĩa của pháp bát cộng.

Trong giấc mơ, các thiện nam thiện nữ nầy cũng thấy cây bồ đề trang nghiêm rất đẹp. Thấy chư Bồ Tát đến cội cây bồ đề thành Đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân. Cũng thấy trăm ngàn muôn Bồ Tát đồng kết tập chánh pháp, luận nghị rằng : Phải cầu nhứt thiết trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải tịnh Phật quốc độ như vậy. Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn

muôn ức chư Phật. Cũng nghe danh hiệu của chư Phật ấy ở phương nào, nước nào, hiệu là gì, có bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu Thanh Văn vây quanh cung kính, đức Phật ấy vì đại chúng mà thuyết pháp. Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật nhập Niết Bàn. Lại thấy vô số trăm ngàn muôn ức tháp thất bảo của chư Phật. Lại thấy cúng dường bảo tháp với những hương hoa nhần đến phan lọng, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Nầy Kiều Thi Ca ! Các thiện nam, thiện nữ nầy chiêm bao thấy những cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ yên, lúc thức cũng yên. Chư Thiên giúp thêm khí lực, nên người nầy tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chẳng quá ham những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men. Đối với tứ sự cúng dường, lòng người nầy phớt nhẹ. Như Tỳ Kheo tọa thiền, sau khi xuất thiền định, tâm hiệp với thiền định, chẳng ham uống ăn, tâm họ phớt nhẹ.

Tại sao vậy ? Vì chư Thiên tự nhiên dùng tinh chất của món ăn để thêm khí lực cho người này.

Mười phương chư Phật và hàng Thiên, Long, Quỷ thần, A tu la, Càn thất bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng giúp thêm khí lực cho người này.

Nầy Kiều Thi Ca ! Vì thế nên các thiện nam, thiện nữ muốn được công đức đời hiện tại như vậy, thời phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, cũng chẳng rời tâm nhứt thiết trí.

Nếu không thể thọ trì đến chánh ức niệm, các thiện nam, thiện nữ phải biên chép quyển kinh rồi cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái.

Nầy Kiều Thi Ca ! Nếu các thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này, rồi thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, biên chép quyển kinh, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa

hương, anh lạc, phan cái, thời công đức rất nhiều, hơn công đức tứ sự cúng dường mười phương chư Phật và hàng đệ tử, cùng xây tháp bảy báu sau khi chư Phật và đệ tử nhập Niết Bàn".

HẾT TẬP I



BỔ KHUYẾT CHƠN NGÔN

Nam mô tam mãn da một dà năm, a bát ra đế, yết da chiết, chiết nại di. Ân kê di kê di, dất tháp cát tháp năm, mặt ngôa sơn đĩnh, bát ra đế, ô dất ma dất ma, dất tháp cát tháp năm, mặt ngôa hồng phẩn tá ha

(7 lần)

Nam mô Hoa Tạng Giáo Chủ Tỳ Lô Giá Na Phật

(3 lần)

BỔ KHUYẾT TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng : bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tỳ, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly diên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu da la tam miệu tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã ba la mật da, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát nhã ba la mật da chú. Tức thuyết chú viết :

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha".

VĂNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di da bà da, da tha già da da, da diệt da tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị da, tất dam bà tỳ, a di rị da, tỳ ca lan đế, a di rị da, tỳ ca lan da, già di nị già già na, chỉ da ca lệ ta bà ha.

Khể thủ Tây phương An Lạc quốc

Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh

Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ.

Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu, cập pháp giới chúng sanh cầu u chư Phật, Nhứt thừa Vô thượng Bồ đề đạo cố, chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh độ. Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật, ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

A Di Đà Phật thân kim sắc

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,

Cám mục trùng thanh từ đại hải,

Quang trung hóa Phật vô số ức,

Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,

**Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.**

**Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi
tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.**

Nam mô A Di Đà Phật. (Niệm 10, 20, 30 câu tùy ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (10 tiếng)

HỒI HƯỚNG

**Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu, tội
chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn;
kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh hiệu, bốn
nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện
vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ,
đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang
minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến, cập kiến
Quán Âm Thế Chí, chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung,
thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng,
linh ngã liễu liễu đắc kiến A Di Đà Phật.**

Ngã kim trì niệm A Di Đà

Tức phát bồ đề quảng đại nguyện

Nguyện ngã định huệ tốc viên minh

Nguyện ngã công đức giai thành tựu

Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm

Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo.

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp
 Giai do vô thí tham sân si
 Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
 Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.
 Nguyên ngã lâm dục mạng chung thời
 Tận trừ nhứt thiết chư chương ngại
 Diện kiến ngã Phật A Di Đà
 Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát
 Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ
 Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện
 Nhứt thiết viên mãn tận vô dư
 Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới
 Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh
 Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
 Thân đồ Như Lai Vô Lượng Quang
 Hiện tiền thọ ngã bồ đề ký.
 Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
 Hóa thân vô số bá câu chi
 Trí lực quảng đại biến thập phương
 Phổ lợi nhứt thế chúng sanh giới.
 Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
 Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
 Pháp môn vô lượng thế nguyện học
 Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.
 Nguyên sanh Tây phương Tịnh độ trung
 Cứu phẩm liên hoa vi phụ mẫu

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thời Bồ Tát vi bạn lữ.
 Nguyên dĩ thử công đức
 Trang nghiêm Phật Tịnh độ
 Thượng báo tứ trọng ân
 Hạ tế tam đồ khổ
 Nhược hữu kiến văn giả
 Tức phát Bồ đề tâm
 Tận thử nhứt báo thân
 Đồng sanh Cực Lạc quốc,
 Tận thử nhứt báo thân
 Đồng sanh An Dưỡng quốc.

NGUYỄN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn,
 hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung
 thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện
 phụng Di Đà, dữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài,
 tiếp dẫn ư ngā.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát
 đạo, quảng độ chúng sanh, đồng thành chủng trí.

Chí tâm đánh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

Nguyên ngā Tội chướng tất tiêu diệt (1 lạy)

Nguyên ngā Thiện căn nhứt tăng trưởng (1 lạy)

Nguyên ngā Thân tâm hàm thanh tịnh (1 lạy)

Nguyên ngā Nhứt tâm tảo thành tựu (1 lạy)

Nguyên ngā Tam muội dắc hiện tiền (1 lạy)

Nguyện ngã Tịnh nhơn tốc viên mãn (1 lạy)

Nguyện ngã Liên đài dự tiêu danh (1 lạy)

Nguyện ngã Kiến Phật ma danh ký (1 lạy)

Nguyện ngã Dự tri mạng chung thời (1 lạy)

Nguyện ngã Vãng sanh Cực Lạc quốc (1 lạy)

Nguyện ngã Viên mãn Bồ Tát đạo (1 lạy)

Nguyện ngã Quảng độ chư chúng sanh (1 lạy)

**Chí tâm qui mạng đánh lễ : Nam mô Tây phương
Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô
lượng vô biên, tứ thế hoằng thâm, tứ thập bát nguyện
độ tận hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di
Đà Như Lai biến pháp giới Tam Bảo.** (1 lạy)

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải
đại đạo, phát vô thượng tâm.** (1 lạy)

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm
nhập kinh tạng, trí huệ như hải.** (1 lạy)

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý
đại chúng, nhứt thiết vô ngại.** (1 lạy)



KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT



MỤC LỤC - TẬP I

GỒM 10 QUYỂN. - TỪ QUYỂN THỨ NHỨT
ĐẾN QUYỂN THỨ MƯỜI

Quyển thứ nhất

- | | |
|----------------------|----|
| 1.- Phẩm Tỳ | 19 |
| 2.- Phẩm Phụng Bát | 47 |
| 3.- Phẩm Tu Tập Đứng | 52 |

Quyển thứ hai

- | | |
|-----------------------------|-----|
| 4.- Phẩm Vãng Sanh | 75 |
| 5.- Phẩm Tán Thán Ba La Mật | 109 |
| 6.- Phẩm Tướng Lưới | 113 |
| 7.- Phẩm Tam Giả | 116 |

Quyển thứ ba

- | | |
|----------------------|-----|
| 8.- Phẩm Khuyến Học | 130 |
| 9.- Phẩm Tập Tán | 140 |
| 10.- Phẩm Hành Tướng | 158 |

Quyển thứ tư

- | | |
|-------------------------|-----|
| 11.- Phẩm Áo Học | 174 |
| 12.- Phẩm Cú Nghĩa | 187 |
| 13.- Phẩm Kim Cang | 197 |
| 14.- Phẩm Đoạn Chư Kiến | 203 |

- | | |
|-------------------------|-----|
| 15.- Phẩm Phú Lâu Na | 209 |
| 16.- Phẩm Thừa Đại Thừa | 226 |

Quyển thứ năm

- | | |
|------------------------|-----|
| 17.- Phẩm Trang Nghiêm | 229 |
| 18.- Phẩm Vấn Thừa | 244 |

Quyển thứ sáu

- | | |
|----------------------|-----|
| 19.- Phẩm Quảng Thừa | 279 |
| 20.- Phẩm Phát Thù | 303 |
| 21.- Phẩm Xuất Đáo | 326 |

Quyển thứ bảy

- | | |
|----------------------|-----|
| 22.- Phẩm Thắng Xuất | 336 |
| 23.- Phẩm Đẳng Không | 346 |
| 24.- Phẩm Hội Tông | 366 |
| 25.- Phẩm Thập Vô | 369 |

Quyển thứ tám

- | | |
|-----------------------|-----|
| 26.- Phẩm Vô Sanh | 391 |
| 27.- Phẩm Thiên Vương | 409 |

Quyển thứ chín

- | | |
|------------------------------|-----|
| 28.- Phẩm Áo Nhon Thỉnh Pháp | 427 |
| 29.- Phẩm Tán Hoa | 434 |
| 30.- Phẩm Tam Thân | 454 |
| 31.- Phẩm Diệt Tránh | 463 |

Quyển thứ mười

32.- <i>Phẩm Bửu Tháp Đại Minh</i>	476
33.- <i>Phẩm Thuật Thành</i>	49
34.- <i>Phẩm Khuyến Trì</i>	49
35.- <i>Phẩm Khiển Trừ Ma Ngoại</i>	504
36.- <i>Phẩm Tôn Đạo</i>	

TRỌN TẬP I



NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT